

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



PHẠM HỒNG HẠNH

QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO SỰ NGHIỆP  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA SỞ TÀI CHÍNH  
TỈNH THÁI BÌNH

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ  
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



PHẠM HỒNG HẠNH

QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO SỰ NGHIỆP  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA SỞ TÀI CHÍNH  
TỈNH THÁI BÌNH

Chuyên ngành: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã ngành: 80340410

ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học 1: TS. VŨ THỊ VÂN ANH

2: TS. TRỊNH KIM LIÊN

HÀ NỘI - 2024

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Trong quá trình thực hiện Đề án thạc sỹ này, tôi có sử dụng một số tài liệu tham khảo của các tác giả, các nhà khoa học và các anh chị bạn bè đồng nghiệp. Riêng các số liệu và kết quả trong quá trình nghiên cứu là hoàn toàn do quá trình tìm hiểu và nghiên cứu của tôi, chưa được sử dụng cho đề tài bảo vệ một học vị nào.

Tôi xin cam đoan rằng các số liệu và mọi thông tin trích dẫn trong Đề án Thạc sỹ đều có nguồn gốc rõ ràng.

Xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày            tháng            năm 2024*

**Học viên**

**Phạm Hồng Hạnh**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành Đề án Thạc sỹ này, trước hết tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ cho tôi trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Vũ Thị Vân Anh và TS. Trịnh Kim Liên, các thầy cô Khoa Khoa học quản lý và các cán bộ của Viện đào tạo Sau đại học đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết để hướng dẫn và giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện Đề án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên đang công tác tại Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đã tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ tôi trong quá trình khảo sát, thu thập số liệu để thực hiện hoàn thiện đề án này.

Cuối cùng, tôi muốn dành lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và người thân đã hết lòng ủng hộ và tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tuy đã nỗ lực hết sức nhưng luận văn vẫn không thể tránh khỏi những khiếm khuyết, tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của quý thầy cô và bạn bè để Đề án Thạc sỹ này được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2024*

**Học viên**

**Phạm Hồng Hạnh**

# MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT .....	vi
DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ .....	vii
TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ .....	viii
PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Khái niệm và mục tiêu quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh .....</b>	<b>6</b>
1.1.1. Khái niệm quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh .....	6
1.1.2. Mục tiêu đánh giá quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp tỉnh đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....	7
<b>1.2. Nguyên tắc quản lý chi thường xuyên NSNN cấp tỉnh đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....</b>	<b>7</b>
<b>1.3. Bộ máy quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....</b>	<b>8</b>
<b>1.4. Nội dung quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....</b>	<b>8</b>
1.4.1. Hướng dẫn xây dựng, thẩm định dự toán chi thường xuyên từ NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....	8
1.4.2. Thực hiện chấp hành dự toán kinh phí chi thường xuyên từ NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....	10
1.4.3. Quyết toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCCN .....	10
<b>1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý của Sở tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCCN .....</b>	<b>12</b>
1.5.1. Các nhân tố thuộc về Sở Tài chính.....	12
1.5.2. Các nhân tố bên ngoài Sở Tài chính.....	12
<b>CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÁI BÌNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ .....</b>	<b>14</b>
<b>2.1. Khái quát một số nét về Sở Tài chính tỉnh Thái Bình .....</b>	<b>14</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển .....	14

2.1.2. Chức năng nhiệm vụ .....	14
2.1.3. Cơ cấu tổ chức .....	15
2.1.4. Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ .....	16
<b>2.2. Thực trạng bộ máy quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....</b>	<b>18</b>
<b>2.3. Thực trạng quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....</b>	<b>19</b>
2.3.1. Thực trạng hướng dẫn lập, thẩm định dự toán chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....	19
2.3.2. Thực trạng thực hiện chấp hành dự toán kinh phí chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....	25
2.3.3. Thực trạng quyết toán chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....	29
<b>2.4. Đánh giá quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....</b>	<b>31</b>
2.4.1. Kết quả đạt được của quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....	31
2.4.2. Điểm mạnh trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....	32
2.4.3. Những hạn chế trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ .....	33
2.4.4. Nguyên nhân hạn chế trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ (Phân tích nguyên nhân theo các nhân tố ảnh hưởng) .....	35
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÁI BÌNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ .....</b>	<b>39</b>
<b>3.1. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình .....</b>	<b>39</b>
3.1.1. Mục tiêu hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.....	39
3.1.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính .....	40
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học công nghệ.....</b>	<b>41</b>
3.2.1. Giải pháp về nâng cao chất lượng bộ máy quản lý chi NSNN đối với sự nghiệp KHCN của Sở Tài chính .....	41

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN trong các khâu hướng dẫn lập, thẩm định, chấp hành dự toán, quyết toán.....	42
3.2.3. Giải pháp khác .....	45
<b>3.3. Kiến nghị.....</b>	<b>46</b>
3.3.1. Đối với UBND tỉnh Thái Bình .....	46
3.3.2. Đối với các bộ, ngành thuộc Trung ương.....	47
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>48</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>49</b>
<b>BẢNG CÂU HỎI.....</b>	<b>51</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Kí hiệu</b>	<b>Nguyên nghĩa</b>
1	CTX	Chi thường xuyên
2	DTNS	Dự toán ngân sách
3	ĐVSN	Đơn vị sự nghiệp
4	HCSN	Hành chính sự nghiệp
5	HĐND	Hội đồng nhân dân
6	KBNN	Kho bạc nhà nước
7	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
8	KHCN	Khoa học Công nghệ
9	KTXH	Kinh tế xã hội
10	NSNN	Ngân sách nhà nước
11	QLNN	Quản lý nhà nước
12	QLNS	Quản lý ngân sách
13	QTNS	Quyết toán ngân sách
14	STC	Sở Tài chính
15	UBND	Ủy ban nhân dân



## DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 2.1: Thống kê các nguồn thu NSNN của tỉnh Thái Bình.....	16
Bảng 2.2: Thống kê chi thường xuyên NSNN của tỉnh Thái Bình .....	17
Bảng 2.3: Hệ số tiền công các chức danh.....	21
Bảng 2.4: Tỷ lệ phân bổ ngân sách theo lĩnh vực .....	22
Bảng 2.5: Tỷ lệ chi thường xuyên cho KHCN so với tổng CTX của cả tỉnh ở một số tỉnh lân cận.....	23
Bảng 2.6: Tổng hợp kết quả lập dự toán và thẩm định dự toán chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2022.....	24
Bảng 2.7: Nguồn vốn chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình .....	26
Bảng 2.8: Thực hiện chi thường xuyên cho hoạt động KHCN .....	27
Bảng 2.9: Kết quả thẩm định quyết toán của Sở Tài chính đối với nội dung chi thường xuyên sự nghiệp KHCN .....	29
Bảng 2.10: So sánh kết quả thẩm định quyết toán nội dung chi sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình với một số tỉnh lân cận. ....	30
Hình 1: Khung nghiên cứu .....	3

# TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Tên đề tài luận văn: "*Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình*"

**Chương I:** Đề tài nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình và đưa ra những phương hướng và giải pháp hoàn thiện. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp phân loại, phân tích, tổng hợp, so sánh và đánh giá đối với dữ liệu thứ cấp; phương pháp phân tích, trích dẫn và hệ thống hóa đối với dữ liệu sơ cấp. Từ đó có cái nhìn khách quan, chủ quan và nhận diện được điểm mạnh và hạn chế của vấn đề, các nhân tố ảnh hưởng thuộc môi trường bên trong và bên ngoài Sở Tài chính.

**Chương II:** Trên cơ sở phân tích thực trạng quá trình quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính trong quy trình ngân sách ở các nội dung bao gồm: (i) Hướng dẫn lập, thẩm định dự toán; (ii) Thực hiện chấp hành dự toán; (iii) Quyết toán. Nhằm hướng tới đạt được hai mục tiêu chính là: (i) Bảo đảm chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học công nghệ đúng quy định, đạt mục tiêu về phát triển KHCN và phát triển kinh tế của tỉnh Thái Bình; (ii) Đảm bảo chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN đúng tiến độ và công khai minh bạch.

**Chương III:** Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, tác giả đưa ra một số giải pháp định hướng hoàn thiện bộ máy quản lý và các giải pháp trong từng khâu của chu trình ngân sách, một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật.

Luận văn đã giải quyết được một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KH&CN từ thực tế tại Sở Tài chính tỉnh Thái Bình. Từ đó, có những đề xuất liên quan đến bộ máy, chính sách pháp luật trong chu trình ngân sách phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước hiện nay.

Từ khóa: *Chi thường xuyên, khoa học và công nghệ, Sở Tài chính, Thái Bình*

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề án

Ngân sách nhà nước (NSNN) là nguồn tài chính công, được huy động chủ yếu từ nguồn đóng góp thuế của người dân và doanh nghiệp, và phải được sử dụng vì mục tiêu công cộng. Chính vì thế, làm thế nào để quản lý được nguồn lực này một cách hiệu quả và hiệu lực, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình, tính minh bạch trong việc sử dụng NSNN luôn là vấn đề ưu tiên của chính quyền các cấp, và cũng là đòi hỏi chính đáng từ phía những người nộp thuế.

Chi ngân sách địa phương là một bộ phận lồng ghép trong chi NSNN, do Sở Tài chính là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND tỉnh, nhằm đảm bảo mỗi đồng NSNN chi ra đều có hiệu lực và hiệu quả cao. Việc phát triển khoa học công nghệ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Phát triển khoa học công nghệ trong thời kỳ mới là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, là nền tảng thực hiện thành công chuyển đổi số quốc gia. Dù vậy chi ngân sách dành cho KH&CN đang giảm dần, đến nay, có cả những địa phương không bố trí vốn hoặc rất thấp cho phát triển nghiên cứu sáng tạo KH&CN. Trong thời gian qua, tỉnh Thái Bình đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh thể hiện ở ngân sách địa phương đầu tư cho KH&CN tăng lên hằng năm. Quản lý ngân sách chi thường xuyên cho sự nghiệp KH&CN của tỉnh cũng đã có những bước đổi mới. Nguồn kinh phí được các cấp phân bổ theo kế hoạch đã đáp ứng bảo đảm đầy đủ chế độ an sinh xã hội cho cán bộ ngành khoa học, hoạt động thường xuyên của các cơ sở KH&CN, đồng thời dành phần lớn ngân sách cho các sáng kiến, đề tài nghiên cứu, bước đầu đã phát huy được vai trò của chính quyền địa phương trong việc quản lý kinh phí lĩnh vực KH&CN; Cơ quan Tài chính đã có sự phối hợp, thống nhất với các sở ban ngành liên quan trong việc quản lý chu trình thu chi ngân sách nâng cao công tác quản lý NSNN đối với lĩnh vực KH&CN.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KH&CN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2022 không tránh khỏi những mặt cần phải cải thiện, có giải pháp khắc phục nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, vừa phát huy tốt vai trò của cơ quan tài chính trong việc quản lý, vừa thúc đẩy phát triển KH&CN tại địa phương.

Xuất phát từ thực tiễn, tác giả lựa chọn nghiên cứu luận văn: "***Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình***" làm luận văn tốt nghiệp. Nhằm góp phần thực hiện tốt kế

hoạch phát triển kinh tế xã hội là vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn đang đặt ra hiện nay.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

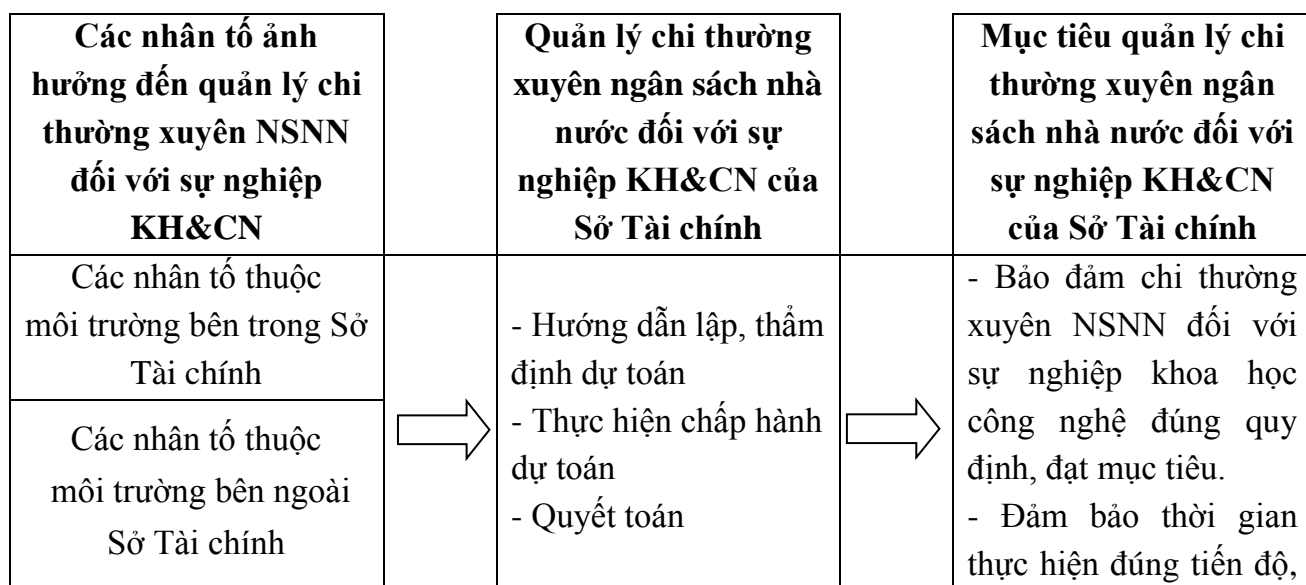
- Xác định được khung nghiên cứu về quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ.
- Phân tích thực trạng quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đối với sự nghiệp KH&CN. Từ đó đánh giá được kết quả, điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế.
- Đề xuất giải pháp cơ bản để hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đối với sự nghiệp KH&CN.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Quản lý chi thường xuyên ngân sách đối với sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh, tỉnh Thái Bình:
- Phạm vi nghiên cứu
  - + Phạm vi về không gian: Quản lý chi thường xuyên ngân sách đối với sự nghiệp KH&CN của Sở tài chính tỉnh Thái Bình.
  - + Phạm vi về thời gian: Số liệu thứ cấp được thu thập từ năm 2020 - 2022, và giải pháp nêu ra có ý nghĩa đến năm 2027. Số liệu sơ cấp được tiến hành phỏng vấn thu thập dữ liệu từ tháng 03/2024 đến tháng 05/2024.
  - + Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu về nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp KH&CN.

## 4. Khung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

### 4.1. Khung nghiên cứu



**Hình 1: Khung nghiên cứu**

Đề tài sử dụng khung nghiên cứu như hình 1.1. Khung nghiên cứu này xuyên suốt các nội dung trong việc phân tích và đánh giá thực trạng.

**4.2. Quy trình nghiên cứu**

Bước 1: Xác định vấn đề và mục tiêu nghiên cứu: Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình

Bước 2: Thu thập số liệu thứ cấp, dữ liệu sơ cấp hình thành cơ sở lý luận và khung nghiên cứu.

Bước 3: Tiến hành nghiên cứu chính thức, thực hiện khảo sát sơ bộ để thu thập số liệu thứ cấp, dữ liệu sơ cấp.

Nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập từ cuộc phỏng vấn tại Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.

Bước 4: Đánh giá thực trạng công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình, xác định điểm mạnh, hạn chế trong công tác này và nguyên nhân của hạn chế.

Bước 5: Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đến năm 2027 dựa trên điểm yếu đã được chỉ rõ ở bước 4, đồng thời đề xuất một số kiến nghị dựa trên những nguyên nhân của các điểm yếu.

**4.3. Phương pháp nghiên cứu**

**4.3.1. Thu thập thông tin**

**4.3.1.1. Thu thập số liệu**

**A. Số liệu thứ cấp:**

Đây là những tài liệu quan trọng để đánh giá quá trình quản lý chi NSNN của Sở Tài chính cho hoạt động KHCCN trên địa bàn tỉnh Thái Bình và kiến nghị các giải pháp phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu đề ra.

Tài liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ các văn bản quản lý của Trung ương và địa phương và từ các báo cáo, thống kê của UBND tỉnh Thái Bình và một số các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh như: Sở Tài chính tỉnh Thái Bình, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Thái Bình...

Ngoài ra, tác giả đã thu thập một số tài liệu như:

- Báo cáo công khai dự toán, quyết toán NSNN địa phương hằng năm của tỉnh Thái Bình.

- Báo cáo liên quan vấn đề nghiên cứu của Sở khoa học Công nghệ tỉnh Thái Bình

- Số liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại Sở Tài chính tỉnh Thái Bình.

- Để so sánh số liệu, tác giả có thu thập thêm báo cáo công khai dự toán, quyết toán NSNN địa phương hằng năm của tỉnh Nam Định, Hà Nam, Hưng Yên.

Phương pháp thu thập: các thông tin từ các cơ quan đơn vị, các chính sách nhà nước được tác giả thu thập bằng cách tra cứu các tài liệu liên quan đến quản lý chi NSNN cho hoạt động KHCCN, các văn bản khác liên quan... Các thông tin cần thiết được tác giả tìm kiếm, thu thập từ các cơ quan và các phòng chuyên môn để xin số liệu cần thiết.

Sau khi thu thập nguồn tài liệu thứ cấp này, tác giả xử lý các thông tin bằng phương pháp phân loại, tổng hợp, phân tích và đánh giá để có cái nhìn tổng quan về quá trình quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính cho hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Từ thực trạng quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động KHCCN, luận văn đưa ra các giải pháp để đạt được mục tiêu tăng cường quản lý chi NSNN cho hoạt động KHCCN trên địa bàn.

#### B. Dữ liệu sơ cấp

- Đối tượng tham gia phỏng vấn: Trong luận văn, tác giả sẽ tiến hành phỏng vấn trưởng phòng quản lý ngân sách và trưởng phòng tài chính hành chính sự nghiệp vì: đây là hai phòng liên quan trực tiếp đến quản lý chi thường xuyên NSNN cho KHCCN. Ngoài ra tác giả tiến hành phỏng vấn 1 phó trưởng phòng Tài chính hành chính sự nghiệp phụ trách chuyên quản Sở Khoa học Công nghệ; 1 kế toán phụ trách Sở Khoa học và Công nghệ và 1 phó Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành Sở Khoa học và Công nghệ.

Số lượng phỏng vấn: căn cứ vào đối tượng cần thiết điều tra ở bên trên, tác giả thống kê được có 05 cán bộ cần điều tra. Với số lượng này tác giả sẽ tiến hành phỏng vấn tổng thể.

- Mục đích của việc phỏng vấn: từ những thông tin thu thập được, tác giả tiến hành phân tích đánh giá hoạt động quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động khoa học công nghệ.

- Nội dung phỏng vấn: Đề tài sử dụng phương pháp phỏng vấn theo câu hỏi trong mẫu phiếu đã được chuẩn bị trước và áp dụng phương pháp phỏng vấn linh hoạt liên quan đến quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động KHCCN. (Chi tiết theo Phụ lục Nội dung phỏng vấn đính kèm)

- Thời gian và địa điểm phỏng vấn: Từ tháng 03/2024 - 05/2024 tại Sở Tài chính Thái Bình.

#### **4.3.1.2. Phương pháp phân tích dữ liệu:**

- **Dữ liệu thứ cấp:** Phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu nhằm xác định những thay đổi của quá trình quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động KHCN tỉnh Thái Bình trong giai đoạn từ năm 2020 đến hết năm 2022, so sánh sự biến động trong quá trình quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động khoa học công nghệ.

Cũng trong nghiên cứu, tác giả so sánh tốc độ phát triển của các nội dung quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động KHCN, đồng thời so sánh các nội dung quản lý chi thường xuyên NSNN cho KHCN giữa một số tỉnh để tìm ra xu hướng thay đổi.

- **Dữ liệu sơ cấp:** Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích, trích dẫn và hệ thống hóa các câu trả lời của đối tượng tham gia phỏng vấn. Từ đó có cái nhìn khách quan, chủ quan và nhận diện được điểm mạnh và hạn chế của vấn đề đang được nghiên cứu.

### **5. Kết cấu đề án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ

Chương 2: Phân tích thực trạng quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ .

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

## **1.1. Khái niệm và mục tiêu quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh**

### ***1.1.1. Khái niệm quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh***

\* Quản lý chi thường xuyên NSNN: Là quá trình các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền sử dụng hệ thống các công cụ, biện pháp để chi phối, quản lý hoạt động chi thường xuyên NSNN, đảm bảo các khoản chi thường xuyên NSNN tại các đơn vị sử dụng ngân sách được sử dụng đúng quy định và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

\* Khái niệm chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KH&CN: Là quá trình phân phối, sử dụng vốn từ quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ chi thường xuyên nhằm duy trì và phát triển khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu mục tiêu của nhà nước trong công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế xã hội.

*\* Nội dung chi sự nghiệp khoa học công nghệ bao gồm:*

Là các khoản chi cho các nhiệm vụ KH&CN và cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với nhiệm vụ KH&CN. Các khoản chi sự nghiệp còn để mua các công trình nghiên cứu phù hợp với mục tiêu. Đây là một trong những phương thức nhằm giảm rủi ro cũng như rút ngắn được thời gian nghiên cứu và thực nghiệm vào thực tế. Bên cạnh đó, hoạt động chi này còn có nhiều nhiệm vụ khác như tuyên truyền phổ biến, tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo,... nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu và tăng cường sản xuất các mặt hàng.

Chi cho các đề tài dự án: Thông qua việc chi ngân sách này, kết quả của các nghiên cứu sẽ được triển khai và áp dụng vào thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đời sống cũng như nâng cao khả năng sản xuất. Với nhiều đơn vị, nhiều nhà khoa học thì đơn vị chủ trì sẽ có thể lựa chọn được các sản phẩm khoa học có chất lượng với lượng kinh phí phù hợp. Điều này là một trong những nguyên tắc hàng đầu trong việc chi và sử dụng ngân sách nhà nước.

**\* Quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KH&CN**

Là tổng thể các công cụ tổ chức quản lý quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng vốn NSNN chi cho sự nghiệp KH&CN.

Đối với Sở Tài chính, Là quá trình hướng dẫn các sở ban ngành và các đơn vị



thụ hưởng, UBND huyện thành phố xây dựng dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp khoa học công nghệ theo đúng quy định của pháp luật nhằm giúp cho các đơn vị sự nghiệp KHCN sử dụng ngân sách được giao đúng mục đích, mục tiêu và chỉ thị cấp trên.

Khái niệm: *Quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN là việc sử dụng các công cụ quản lý để vận hành một quỹ tiền tệ NSNN nhất định với những nội dung thuộc lĩnh vực chi cho sự nghiệp KHCN để đạt được mục tiêu đặt ra ban đầu và vận hành trơn tru một phần của bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực trên.*

### **1.1.2. Mục tiêu đánh giá quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cấp tỉnh đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

Mục tiêu chung: Đảm bảo các nhiệm vụ KHCN sẽ tiến hành triển khai, phát triển KHCN theo phương hướng và mục tiêu đã đề ra. Tháo gỡ những khó khăn, nút thắt về tài chính trong quản lý chi NSNN cho lĩnh vực KHCN, phát hiện ra các vấn đề cần cải thiện làm rõ, các bất cập để sửa đổi bổ sung. Cuối cùng để phục vụ cho mục đích chính là các nhà khoa học có thể phát huy được hết giá trị và có những công trình nghiên cứu giúp ích cho xã hội, đóng góp vào sự phát triển KTXH, từ đó tỉnh có thể có các đề tài nghiên cứu khả thi, chất lượng, góp phần thực hiện tốt mục tiêu hiệu quả trong việc chi NSNN.

Mục tiêu cụ thể:

- Bảo đảm chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ theo đúng kế hoạch, mục đích, hiệu quả, và đúng quy định của pháp luật.
- Đảm bảo thời gian thực hiện đúng tiến độ và thời hạn quy định, công khai minh bạch các nội dung.

### **1.2. Nguyên tắc quản lý chi thường xuyên NSNN cấp tỉnh đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

- Nguyên tắc quản lý theo dự toán: Dự toán là kế hoạch thu chi ngân sách của năm ngân sách, khi chi thường xuyên theo kế hoạch đã được duyệt sẽ tạo điều kiện cho cơ quan tài chính cân đối bố trí ngân sách kịp thời, đáp ứng tính kịp thời trong thực hiện các nhiệm vụ chi, đảm bảo thuận lợi cho quá trình quản lý điều hành ngân sách và hạn chế các khoản chi đột xuất tùy tiện.

- Nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả: Chi tiêu hợp lý đảm bảo đúng đối tượng, thứ tự ưu tiên của các khoản chi, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên, theo các tiêu chí, định mức đúng theo quy định. Điều này không có nghĩa là hạn chế chi tiêu mà là sự chi tiêu hợp lý, xét trên nhiều phương diện về hiệu quả KTXH, trước

mất và lâu dài để quyết định sự phù hợp của khoản chi, từ đó sẽ tạo ra được lợi ích lớn nhất có thể.

- Nguyên tắc chi trực tiếp qua kho bạc nhà nước: Để đảm bảo tính công khai, minh bạch, một trong những chức năng quan trọng của Kho bạc nhà nước là quản lý quỹ NSNN. Vì vậy, Kho bạc nhà nước có trách nhiệm phải kiểm soát chặt chẽ mọi khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên. Chi qua Kho bạc sẽ giúp cho việc quản lý chi thường xuyên trở nên dễ dàng, dễ kiểm tra kiểm soát hơn.

### **1.3. Bộ máy quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

Bộ máy quản lý của STC đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp khoa học công nghệ, gồm:

- Ban Lãnh đạo Sở: Gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc; Chịu toàn bộ trách nhiệm trước các cơ quan cấp trên liên quan về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cơ quan thực hiện chức năng nhiệm vụ theo thẩm quyền quản lý; và toàn bộ hoạt động và các mặt liên quan đến chi NSNN tại địa phương, cụ thể hơn là chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN.

- Phòng Quản lý ngân sách: Tham gia quản lý điều hành ngân sách, kiểm soát cấp phát ngân sách hàng tháng, kế toán kiểm toán chi, Xây dựng dự toán thu chi, phương án phân bổ chi thường xuyên từ NSNN cho lĩnh vực sự nghiệp KHCN; ban hành công văn hướng dẫn xây dựng DTNS, thực hiện DTNS trong đó có nội dung dự toán chi thường xuyên từ NSNN; Chủ trì, phối hợp với các phòng chuyên môn liên quan để tổng hợp chung và quyết toán số liệu năm ngân sách của các đơn vị sự nghiệp KHCN, báo cáo lãnh đạo sở trình UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền quyết định.

- Phòng Hành chính sự nghiệp: Hướng dẫn cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ xây dựng DTNS, tổ chức thảo luận về dự toán, quản lý xây dựng dự toán, kiểm tra giám sát thực hiện sử dụng và quản lý nguồn vốn, thẩm định hoặc duyệt, thông báo QTNS đối với các đơn vị.

### **1.4. Nội dung quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

#### ***1.4.1. Hướng dẫn xây dựng, thẩm định dự toán chi thường xuyên từ NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ***

**- Hướng dẫn lập dự toán**

Lập dự toán chi thường xuyên NSNN là lập kế hoạch các khoản chi thường xuyên ngân sách trong một năm ngân sách, có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ các khâu của công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước. Sở Tài chính *hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ* lập DTNS chi thường xuyên NSNN, sau đó được cấp trên phê duyệt. Căn cứ vào dự toán đã được duyệt để điều hành chi tiêu trong năm kế hoạch.

Sở Tài chính hướng dẫn nội dung xây dựng DTNS năm ngân sách, kế hoạch tài chính 03 năm ngân sách tiếp theo như sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước năm trước, trong đó, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.

- Xây dựng DTNS năm ngân sách theo đúng quy định của luật NSNN các văn bản hướng dẫn phù hợp với các kế hoạch 5 năm, mục tiêu phát triển KTXH của tỉnh.

- Xây dựng DTNS trên cơ sở số lượng đề tài dự án được duyệt, kế hoạch chi tiêu, các hoạt động phát sinh chi theo chức năng, phù hợp với định hướng trong các chỉ thị của UBND và kết luận 50-KH/TW của Ban Bí thư.

Sau khi Sở Khoa học và Công nghệ sẽ dựa trên các căn cứ để xây dựng kế hoạch dự toán cho phù hợp với khả năng thực hiện, cũng đảm bảo sử dụng các nguồn lực được hiệu quả nhất, STC tổ chức thực hiện buổi thảo luận DTNS với Sở KH&CN và các ĐVSN liên quan khi có văn bản đăng ký gửi về STC. Sau đó, STC lập và trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự toán chi sự nghiệp KH&CN theo đề xuất của Sở KH&CN. Trong trường hợp có sự thay đổi so với đề xuất thì STC có trách nhiệm thông báo với Sở KH&CN trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan cấp trên.

Quá trình lập DTNS phải đảm bảo các yêu cầu trên cơ sở Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn, các văn bản pháp luật có liên quan; kế hoạch phát triển KTXH tại Chỉ thị của UBND tỉnh; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ; các đề án, nhiệm vụ.

#### **- Thẩm định DTNS**

Các đơn vị gửi DTNS trong đó có nội dung chi thường xuyên về STC, dự toán phải hợp lý với các tiêu chí, căn cứ vào nguồn ngân sách của tỉnh, và nội dung đã thảo luận với cơ quan trung ương, nhằm cân đối được nguồn thu chi ngân sách của tỉnh, hạn chế nội dung chi phát sinh mới, không có trong dự toán được giao và kế hoạch phân bổ vốn ngân sách cần phải cơ cấu, bảo đảm hợp lý với các ngành, lĩnh vực, địa phương.

Sở Tài chính thực hiện thẩm định DTNS chi thường xuyên đối với sự nghiệp

KHCN của STC như sau: Căn cứ vào số lượng biên chế của đơn vị, bộ phận, tình hình thực hiện các đề tài KHCN, các nội dung CTX và nguồn lực thực hiện KHCN từ đó các cơ quan đơn vị xây dựng dự toán CTX của đơn vị, bộ phận mình. Tiếp theo cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp đánh giá, tổng hợp dự toán chi thường xuyên của cơ quan và các đơn vị trực thuộc sau đó gửi lên cơ quan tài chính cùng cấp phê duyệt. STC sẽ là cơ quan có nhiệm vụ cuối cùng là thẩm định, tổng hợp DTNS bao gồm dự toán CTX của toàn tỉnh.

#### ***1.4.2. Thực hiện chấp hành dự toán kinh phí chi thường xuyên từ NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ***

Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ: Phối hợp với KBNN trong việc chi NSNN theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp từ kho bạc nhà nước cho đối tượng thụ hưởng. Thực hiện cấp phát kinh phí theo DTNS, đảm bảo khớp đúng DTNS được HĐND quyết định, UBND giao cả về tổng mức và chi tiết theo lĩnh vực chi, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Việc phân bổ và giao dự toán phù hợp lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao mức độ tự chủ của các ĐVSN công lập. Ngoài ra STC tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn cho kế toán các đơn vị trong việc hạch toán và sắp xếp các khoản chi đảm bảo đúng quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ theo kế hoạch dự toán đã duyệt, phối hợp với STC và KBNN thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các đơn vị sự nghiệp KHCN ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc năm ngân sách trước đó, phần kinh phí còn lại mới phân bổ cho các nhiệm vụ năm mới, đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ chính sách ở ĐVNS cấp dưới, quản lý theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, hạn chế tối đa việc ứng trước, tổ chức theo dõi đánh giá các đề tài khoa học và cấp kinh phí phù hợp. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, bảo đảm các khoản chi tiền lương cho cán bộ ngành khoa học, đáp ứng kịp thời các khoản an sinh xã hội.

#### ***1.4.3. Quyết toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCN***

Quyết toán chi NSNN là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý chi ngân sách, bao gồm việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các khoản chi ngân sách. Công tác quyết

toán chi ngân sách cho hoạt động KH&CN có ý nghĩa thiết thực trong việc nhìn nhận lại quá trình quản lý, điều hành chi ngân sách cho hoạt động KH&CN qua một năm, rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết bổ sung cho chu trình công tác quản lý chi ngân sách cho hoạt động KH&CN năm sau.

Là quá trình nhằm kiểm tra, rà soát, chỉnh lý các số liệu đã được phản ánh sau một kỳ chấp hành dự toán, qua đó phân tích, đánh giá kết quả chấp hành dự toán nhằm rút ra những kinh nghiệm và bài học cần thiết cho kỳ chấp hành dự toán tiếp theo. Quyết toán chi thường xuyên NSNN là thước đo đánh giá hiệu quả công tác lập và chấp hành dự toán NSNN, giúp việc so sánh với dự toán được duyệt để rút ra kinh nghiệm và có chính sách thay đổi cho kỳ sau. Vì vậy, trong quá trình quyết toán, báo cáo quyết toán phải được lập trên cơ sở số liệu phản ánh đầy đủ, chính xác, trung thực theo hệ thống mục lục NSNN, đúng đủ kịp thời theo quy định.

Yêu cầu của công tác QTNS: Quyết toán phải được lập trên cơ sở số liệu mục lục ngân sách, đúng nội dung mẫu biểu kèm giải trình thuyết minh số liệu, các chỉ tiêu quy định thống nhất. Đảm bảo đúng quy trình, thực hiện theo trình tự, bảo đảm về thời hạn và nội dung tại mỗi đơn vị.

Căn cứ lập QTNS: Số liệu tổng hợp chi tiết trên hệ thống sổ sách hạch toán kế toán của ĐVSN khoa học công nghệ, báo cáo kỳ trước, quy định về phương pháp lập các chỉ tiêu, các văn bản hướng dẫn.

Với vai trò đầu mối trong lĩnh vực KH&CN, Sở KH&CN có nhiệm vụ thẩm định, xét duyệt QTNS của các đơn vị trực thuộc; tổng hợp, lập báo cáo QTNS thuộc phạm vi được giao phụ trách gửi STC theo đúng quy định và hướng dẫn của cán bộ STC, trong đó nêu rõ tồn tại, hạn chế và các ảnh hưởng tới tình hình triển khai thực hiện chấp hành kế hoạch dự toán, chi trả, quyết toán; đồng thời nêu các kiến nghị, giải pháp nhằm khắc phục các khó khăn trên.

STC thực hiện các nhiệm vụ sau: STC tiến hành thẩm định trên cơ sở báo cáo của đơn vị sử dụng NSNN; đưa ra báo cáo thẩm định QTNS trong đó có số liệu chi thường xuyên từ NSNN; đồng thời tổng hợp số liệu quyết toán CTX từ NSNN tính vào quyết toán NSDP hằng năm; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình HĐND tỉnh. Sau khi HĐND tỉnh phê duyệt, ngoài việc lưu tại Sở, báo cáo quyết toán phải được gửi đến các cơ quan cấp trên phê duyệt quyết toán.

## **1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý của Sở Tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCCN**

### **1.5.1. Các nhân tố thuộc về Sở Tài chính**

- Mô hình lập ngân sách truyền thống hay hiện đại, căn cứ xác định để phân bổ ngân sách ảnh hưởng đến việc xây dựng DTNS và phân bổ NSNN của Sở Tài chính cho sự nghiệp khoa học công nghệ.

- Năng lực quản lý của lãnh đạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, trình độ cán bộ quản lý ảnh hưởng tới công tác tham mưu triển khai công việc, năng lực tốt sẽ đáp ứng tốt cho công việc.

- Nhiều ứng dụng được triển khai vào thực tế đòi hỏi cán bộ phải đáp ứng tính chất công việc bằng cách cập nhật kiến thức mới, có khả năng tự học và cập nhật kiến thức. Trong quá trình xử lý công việc, nhiều trường cần phải tham khảo ý kiến nhiều điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng lựa chọn công nghệ và triển khai công nghệ.

- Nhận thức và kinh nghiệm của cán bộ về việc hướng dẫn xây dựng dự toán chi thường xuyên về tầm quan trọng của khâu xây dựng dự toán có tác động tới thái độ làm việc và khi thực hiện hướng dẫn các ĐVSN trong khi làm việc.

- Hệ thống trang thiết bị như máy móc thiết bị, hệ thống phần mềm quản lý ngân sách-kho bạc nhà nước (Hệ thống tabmis), phần mềm quản lý mạng văn phòng tỉnh Thái Bình ảnh hưởng đến quá trình và tốc độ xử lý công việc cũng như việc điều hành quản lý chi thường xuyên NSNN cho KHCCN.

### **1.5.2. Các nhân tố bên ngoài Sở Tài chính**

#### **a. Sự phối hợp hoạt động trong bộ máy quản lý chi NSNN cho hoạt động KHCCN**

Hiện nay việc quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động khoa học công nghệ được thực hiện bởi hai Sở đó là: Sở Tài chính và Sở khoa học công nghệ. Do vậy, việc phân bổ ngân sách, quản lý chung việc CTX NSNN cho hoạt động KHCCN còn là trách nhiệm trong việc phối hợp công tác giữa hai Sở.

#### **b. Hệ thống pháp luật**

- Hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực NSNN là một kim chỉ nam cho toàn hệ thống các cơ quan QLNN thực hiện nhiệm vụ chức năng, hệ thống pháp luật tốt, rõ ràng sẽ mang lại sự thuận lợi, bộ máy sẽ làm việc trôi chảy hơn.

- Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới việc đầu tư ngân sách vào lĩnh vực này.

- Văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN như: Quy định về cơ chế quản lý tài chính; Về bàn giao tài sản hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; về cơ chế phát triển thị trường KH&CN; về thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, Việc thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; Các quy định và thủ tục thanh toán kinh phí trong KH&CN. Các chính sách này sẽ là nhân tố trong việc quyết định chi tiêu và đánh giá kết quả thực hiện trong việc CTX cho sự nghiệp KH&CN.

- Việc huy động các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho sự nghiệp KH&CN như việc huy động qua quỹ phát triển KH&CN có tác động tới nguồn lực NSNN từ đó tác động đến công tác phân bổ ngân sách cho lĩnh vực KH&CN.

## **CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHI THUỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÁI BÌNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

### **2.1. Khái quát một số nét về Sở Tài chính tỉnh Thái Bình**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Ngay sau khi cách mạng tháng 8 thành công, ngày 28/8/1945, ngành Tài chính Việt Nam ra đời, cùng với đó, Sở Tài chính Thái Bình cũng được thành lập, với nhiệm vụ huy động mọi nguồn lực vừa duy trì bộ máy Nhà nước vừa phục vụ sản xuất, chiến đấu, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Trải qua 70 năm xây dựng và trưởng thành, cán bộ, ngành Tài chính đã không ngừng nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, huy động nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển, bảo đảm an sinh xã hội, đấu tranh cách mạng, chứng minh cho quá trình phấn đấu bền bỉ, năng động, sáng tạo, đồng hành cùng truyền thống lịch sử cách mạng của dân tộc.

Những thành tích tiêu biểu của ngành Tài chính Thái Bình

- \* Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1995)
- \* Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2010)
- \* Cờ thi đua của Chính phủ (2 lần)
- \* Bằng khen của Bộ Tài chính
- \* Bằng khen của UBND tỉnh và nhiều phần thưởng cao quý khác

#### **2.1.2. Chức năng nhiệm vụ**

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng QLNN về tài chính; NSNN; thuế, phí, lệ phí và thu khác của NSNN; và các hoạt động quản lý liên quan đến tài chính khác theo quy định của pháp luật. Sở Tài chính được phân công phụ trách những nhiệm vụ chính gồm:

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Các dự thảo và kế hoạch về tài chính theo quy hoạch phát triển KTXH của địa phương; Dự thảo phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách của địa phương; định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương...Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.



2. Về quản lý ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước

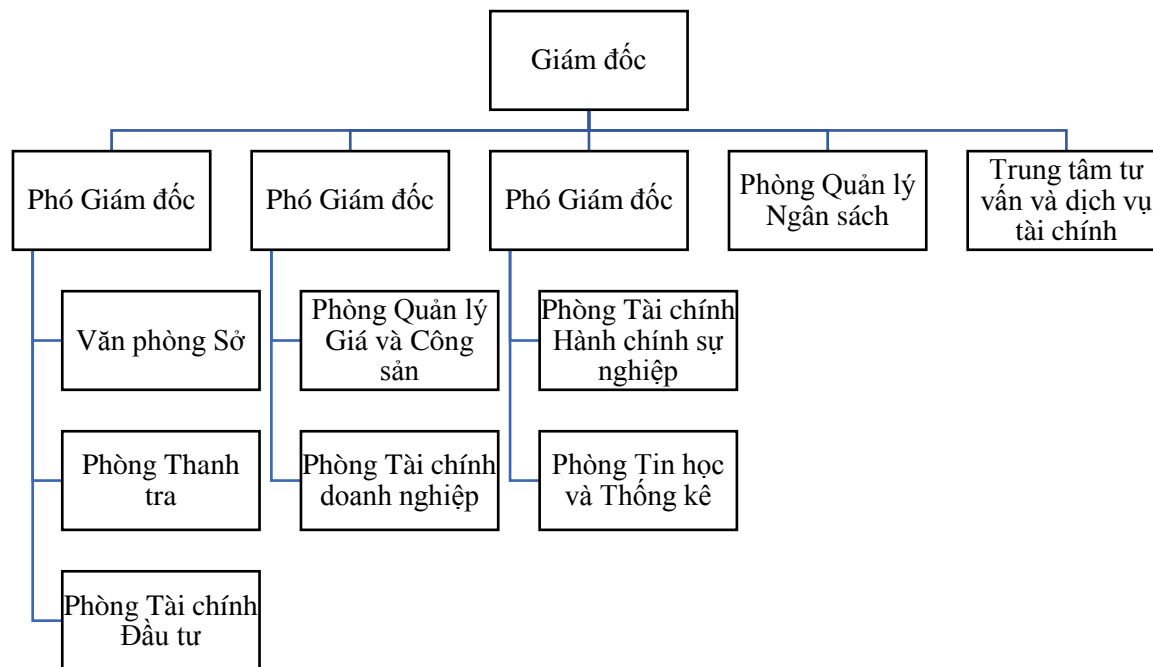
Hướng dẫn các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật. Quản lý xây dựng dự toán thu chi ngân sách, kiểm tra giám sát thực hiện sử dụng và quản lý nguồn vốn, thẩm định hoặc duyệt, thông báo quyết toán đối với các đơn vị.

Tham gia quản lý điều hành ngân sách, kiểm soát cấp phát ngân sách nhà nước hàng tháng, kế toán kiểm soát chi ngân sách, kiểm soát thu, chi một số tài khoản ngoài bảng. Xây dựng dự toán thu chi và phương án phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm.

Thực hiện kiểm tra, thẩm tra DTNS của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và DTNS của cấp dưới; tổng hợp và lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh.

Thẩm định quyết toán thu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện thành phố, tổng hợp quyết toán thu chi hằng năm báo cáo Bộ Tài chính.

### 2.1.3. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tại Sở Tài chính tỉnh Thái Bình

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Về tổ chức bộ máy của Sở Tài chính gồm:

- Lãnh đạo Sở: 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc;

Giám đốc STC là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở

- Các phòng, ban chuyên môn:

+ Văn phòng Sở;

+ Phòng Quản lý Ngân sách;

+ Phòng Tài chính HCSN;

+ Phòng Tài chính doanh nghiệp;

+ Phòng Tài chính Đầu tư;

+ Phòng Quản lý Giá và Công sản;

+ Thanh tra;

+ Phòng Tin học và Thống kê

- Đơn vị trực thuộc: Trung tâm tư vấn và dịch vụ tài chính

Tổng số biên chế công chức và người lao động trong Sở hiện nay là 75 biên chế, trong đó công chức: 66 biên chế; hợp đồng theo Nghị định 111: 03 hợp đồng; viên chức: 04 biên chế, hợp đồng tự chi trả: 02 hợp đồng.

#### **2.1.4. Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ**

**Thứ nhất về tình hình thu NSNN trên địa bàn tỉnh:** Trong thời kỳ ổn định ngân sách 2020-2022, tình hình xã hội dù gặp phải nhiều thách thức đặc biệt trải qua đại dịch Covid 19, nhưng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh luôn đạt trên 110% so với dự toán được giao. Năm 2021 thu ngân sách đạt gần 12.500.000 triệu đồng, tăng gần 40% so với cùng kỳ năm 2020. Năm 2022 thu ngân sách đạt gần 15.000.000 triệu đồng tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

**Bảng 2.1: Thống kê các nguồn thu NSNN của tỉnh Thái Bình**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nguồn thu NSNN	2020	2021	2022
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN</b>	<b>8.888.774</b>	<b>12.424.276</b>	<b>14.975.195</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>7.749.704</b>	<b>10.534.374</b>	<b>11.584.481</b>
1	Thu từ Doanh nghiệp Nhà nước do trung ương quản lý	393.511	414.620	334.826
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	225.617	170.001	176.427
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	143.564	148.286	136.111

<b>STT</b>	<b>Nguồn thu NSNN</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.822.908	2.033.949	2.214.915
5	Lệ phí trước bạ	328.183	370.816	447.056
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	32	50	40
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.652	17.738	37.108
8	Thuế thu nhập cá nhân	278.653	286.795	371.287
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.603.545	2.714.124	2.335.328
10	Thu phí, lệ phí	84.024	110.557	97.404
11	Thu tiền sử dụng đất	2.340.983	3.680.525	4.433.286
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	143.541	229.069	529.889
13	Thu khác ngân sách	218.446	197.089	273.298
14	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	57.534	29.109	22.976
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	38.250	61.920	77.730
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	6.547	5.928	11.582
17	Thu xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)	46.713	63.798	85.217
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>1.139.071</b>	<b>1.889.902</b>	<b>3.390.714</b>

*Nguồn: STC Thái Bình giai đoạn 2020-2022*

**Thứ hai, về thực trạng chi NSNN của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình**

**Bảng 2.2: Thống kê chi thường xuyên NSNN của tỉnh Thái Bình**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>STT</b>	<b>Nội dung chi thường xuyên</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.364.195</b>	<b>8.722.920</b>	<b>10.257.705</b>
1	Chi An ninh - Quốc phòng	240.840	261.532	292.886
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	3.225.495	3.347.737	4.250.120
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số, Kế hoạch hóa gia đình	761.764	740.483	846.646
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	31.680	32.966	33.916
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, thể thao và du lịch	121.193	148.092	158.891
6	Chi sự nghiệp phát thanh TH	54.427	50.900	54.814
7	Chi đảm bảo xã hội	1.051.137	1.088.088	1.342.746
8	Chi sự nghiệp kinh tế	914.383	864.769	1.054.384

STT	Nội dung chi thường xuyên	2020	2021	2022
9	Chi sự nghiệp tài nguyên - môi trường	255.861	309.107	437.862
10	Chi quản lý hành chính	1.611.290	1.694.370	1.689.194
11	Chi trợ giá	15.500	15.500	15.500
12	Chi khác ngân sách	80.625	169.376	80.746

*Nguồn: STC Thái Bình giai đoạn 2020-2022*

Từ số liệu thống kê chi thường xuyên ngân sách của tỉnh Thái Bình ta có thể thấy: Tổng số chi thường xuyên của tỉnh tăng dần qua các năm, về con số tuyệt đối năm 2020 là 8.364.195 triệu đồng; năm 2021 là 8.722.920 triệu đồng; năm 2022 là 10.257.705 triệu đồng. Cơ cấu phân bổ NSNN cho các nội dung chi thường xuyên có sự khác biệt giữa các nội dung chi. Về tỷ trọng chi giữa các lĩnh vực, phần lớn chi thường xuyên cho hoạt động y tế, dân số chiếm gần 20% tổng chi, chi thường xuyên cho cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể chiếm 20% tổng chi thường xuyên, tiếp theo là sự nghiệp giáo dục và đào tạo chiếm xấp xỉ 19% tổng chi. Ngành có số chi thường xuyên thấp nhất qua các năm có thể thấy rõ ràng nhất là: Chi Khoa học và công nghệ.

Việc quản lý điều hành chi trong các năm qua, Sở Tài chính đã thực hiện hướng dẫn các đơn vị thông qua các văn bản, tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn kế toán ĐVSN thực hiện công tác hạch toán kế toán tại cơ sở, lập kế hoạch và tổng kết quyết toán đúng theo quy định pháp luật.

## **2.2. Thực trạng bộ máy quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

Bộ máy quản lý của STC Thái Bình đối với quản lý CTX từ NSNN tỉnh, bao gồm:

+ Ban Giám đốc có 4 người: 1 Giám đốc và 3 Phó Giám đốc

+ Phòng QLNS có 10 người: 1 Trưởng phòng, 2 Phó Trưởng phòng và 7 chuyên viên

+ Phòng TCHCSN có 9 người: 1 Trưởng phòng, 2 Phó Trưởng phòng và 6 chuyên viên.

Mỗi năm số lượng văn bản đến của STC trung bình ở giai đoạn nghiên cứu là trên 15.000 văn bản, số lượng văn bản đi xấp xỉ 6000 văn bản. Như vậy, trung bình mỗi cán bộ một năm phải có văn bản trả lời phúc đáp, thực hiện nhiệm vụ được giao là 75 văn bản/năm. Số lượng công văn, báo cáo mang tính chất phức tạp, khó thực hiện tương đối cao, đặc biệt là các phòng chuyên môn của STC Thái Bình phụ trách các lĩnh vực liên quan đến hoạt động các hoạt động quản lý tài chính, trong đó có chi

thường xuyên từ NSNN tỉnh. Tuy nhiên, Sở Tài chính có một bộ máy cán bộ có trình độ chuyên môn chủ yếu là đại học, thạc sỹ và khá đồng đều, tỷ lệ cán bộ thuộc đối tượng trẻ từ 30-40 tuổi chiếm đa số, trong đó: cán bộ phụ trách quản lý chi thường xuyên NSNN tại 2 phòng chuyên môn có tổng số 19 người bao gồm 8 trình độ thạc sỹ và 11 trình độ đại học. Từ năm 2020 đến 2022 STC Thái Bình đã tinh giản 02 biên chế do đến tuổi về hưu; bổ sung thêm 1 cán bộ trẻ mới tuyển dụng theo hình thức thi tuyển tập trung. Tuy nhiên, với tính chất công việc nhiệm vụ chuyên môn phức tạp, liên quan đến tất cả các lĩnh vực các sở ban ngành, nhiệm vụ quản lý chi thường xuyên NSNN là một trong những nhiệm vụ quan trọng, STC Thái Bình không tránh khỏi các áp lực trong thực hiện nhiệm vụ và đặc biệt là tình trạng phải xử lý nhiều công việc có tính chất phức tạp, khó thực hiện nhưng thời hạn được giao không phù hợp, gây những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Nguyên nhân là: Thứ nhất, khối lượng công việc được giao lớn, thời hạn xử lý gấp gáp, cán bộ công chức không kịp nghiên cứu văn bản làm ảnh hưởng tới chất lượng công tác tham mưu. Thứ hai, do trình độ và kinh nghiệm kiến thức thực tiễn của các cán bộ chưa đều, vẫn có những cán bộ gần đến tuổi nghỉ hưu phải đảm đương chức vụ và cán bộ trẻ mới tuyển dụng cần phải bồi dưỡng thêm kiến thức, nên nhiệm vụ phân công tập trung chủ yếu ở các cán bộ trẻ, có năng lực, kinh nghiệm thực tiễn và chuyên môn cao, dẫn đến tình trạng quá tải phải làm thêm giờ. Thứ ba, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị và hệ thống phần mềm hỗ trợ công tác tham mưu vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, cập nhật từng ngày cùng sự chuyển dịch của chuyển đổi số, chưa đáp ứng được tính chất và khối lượng công việc.

### **2.3. Thực trạng quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

#### ***2.3.1. Thực trạng hướng dẫn lập, thẩm định dự toán chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ***

Hàng năm, Sở Tài chính căn cứ các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học công nghệ và các văn bản liên quan để ban hành công văn gửi các đơn vị sự nghiệp KHCN xây dựng dự toán cho năm ngân sách tiếp theo đầy đủ biểu mẫu và nội dung theo quy định (Kèm bảng lương xét duyệt của cấp có thẩm quyền, các văn bản kèm theo về thuyết minh dự toán như đề tài, chính sách, nội dung mới, định mức CTX...) Trên cơ sở công văn ban hành, dự toán của các đơn vị; các phòng chuyên môn Sở Tài chính (Phòng Tài chính HCSN, Phòng QLNS) sẽ căn cứ vào các quy định pháp luật, tiêu chuẩn định mức của ngành lĩnh vực, cân đối nguồn ngân sách thẩm định lại số liệu dự toán cho các đơn vị gửi phòng Ngân sách tổng hợp, báo cáo

giám đốc trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh quyết định.

Trong giai đoạn 2020-2022, Sở Tài chính đã ban hành các công văn hướng dẫn xây dựng DTNS số 1982/STC-QLNS ngày 23/7/2020, 1906/STC-QLNS ngày 17/8/2021, 1924/STC-QLNS ngày 10/8/2022,

Dự toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCN tỉnh Thái Bình được xây dựng trên các văn bản luật sau: Luật ngân sách năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định thi hành Luật NSNN; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 163/2016/NĐ-CP; Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 30/9/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017; Nghị quyết 48/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi năm 2017; Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giai đoạn 2022-2025; Các quyết định và văn bản hướng dẫn của HĐND, UBND tỉnh Thái Bình về phân cấp, quản lý, điều hành ngân sách trong từng thời kỳ và từng năm ngân sách. Ngoài những quy định nêu trên, việc lập dự toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCN còn được căn cứ trên mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, mục tiêu phát triển ngành KHCN của tỉnh.

### ***2.3.1.1. Định mức chi thường xuyên đối với sự nghiệp KHCN***

Đối với cơ chế tài chính đã có nhiều đổi mới trong giai đoạn 2016 - 2022, Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có phối hợp ban hành Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Bộ Tài chính ban hành Thông tư 27/2015/TTBTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước. Tỉnh Thái Bình đã ban hành Quyết định 04/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2016 Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Theo đó hệ số tiền công của các vị trí chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thấp hơn so với hệ số tiền công theo ngày theo TT 55/2015 TTLT-BTC, cụ thể:

- Hệ số tiền công theo ngày ở nhiệm vụ cấp tỉnh đối với chủ nhiệm nhiệm vụ ở tỉnh Thái Bình là 0,63 thấp hơn so với quy định chung là 0,79.
- Hệ số tiền công theo ngày ở nhiệm vụ cấp tỉnh đối với thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học ở tỉnh Thái Bình là 0,4 thấp hơn so với quy định chung là 0,5.

- Hệ số tiền công theo ngày ở nhiệm vụ cấp tỉnh đối với thành viên ở tỉnh Thái Bình là 0,2 thấp hơn so với quy định chung là 0,25.
- Hệ số tiền công theo ngày ở nhiệm vụ cấp tỉnh đối với kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ ở tỉnh Thái Bình là 0,12 thấp hơn so với quy định chung là 0,16.

**Bảng 2.3: Hệ số tiền công các chức danh**

*DVT: Hệ số*

Chỉ tiêu	Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND		Thông tư số 55/2015 TTLT-BTC		
	Hệ số tiền công theo ngày $Hstcn=(HCD*Kkh)/22$		Hệ số chức danh NC	Hệ số LDKH	Hệ số tiền công theo ngày $Hstcn=(HCD*Kkh)/22$
	Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nhiệm vụ cấp cơ sở (80% cấp tỉnh)			
Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,5	6,92	2,5	0,79
Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học	0,4	0,32	5,42	2	0,5
Thành viên	0,2	0,16	3,66	1,5	0,25
Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,12	0,1	2,86	1,2	0,16

*Nguồn: Theo tác giả tổng hợp*

Theo bảng số liệu so sánh ở trên ta có thể thấy hệ số tiền công đã giảm đi tương đối nhiều, đây là một trong những bất lợi cho việc thu hút những người có khả năng nghiên cứu và triển khai KHCN vào thực tiễn. Việc điều chỉnh này một phần rất lớn là do nguồn ngân sách có nhiều hạn chế: số lượng ngân sách trung ương cấp ít thay đổi trong những năm qua, ngân sách tỉnh cũng không có nhiều cải thiện nên để dành ngân sách cho các nhiệm vụ khác nên UBND tỉnh đã quyết định giảm khoản tiền này. Điều này cũng đã giảm đi tính nhiệt huyết cũng như trách nhiệm đối với các công trình khoa học.

Qua đó, đã cụ thể hóa đối tượng, nội dung và nguyên tắc áp dụng định mức giúp cho chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ và người tham gia trực tiếp được trả công xứng đáng, đồng thời đảm bảo thông tin minh bạch trong quá trình thực hiện. Việc khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cũng đã tạo bước chuyển mạng trong tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đơn giản hóa các thủ tục tài chính cho các nhà khoa học.

Bên cạnh đó, việc xây dựng định mức cho các khoản chi KHCN dựa trên các quy định pháp luật như: thông tư số 01/2010/TT-BTC quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, thông tư số 40/2018/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp,

ng nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND... Ngoài ra, còn căn cứ vào quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 13/06/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Với những căn cứ thực hiện, các định mức chi cho KHCN của tỉnh Thái Bình cũng đang dần dần hoàn thiện và có tính cạnh tranh hơn.

### 2.3.1.2. Phân bổ ngân sách

Phân bổ ngân sách được thực hiện dựa trên nhu cầu thực tế cho việc phát triển KHCN trên địa bàn tỉnh. Việc phân bổ này được thực hiện dựa trên 2 lĩnh vực chủ yếu đó là chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp KHCN.

**Bảng 2.4: Tỷ lệ phân bổ ngân sách theo lĩnh vực**

*DVT: Triệu đồng*

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Tổng chi cho KHCN</b>	<b>31.680</b>	<b>33.266</b>	<b>48.916</b>
Chi đầu tư phát triển KHCN	0	300	15.000
Chi thường xuyên sự nghiệp KHCN	31.680	32.966	33.916
Tỷ trọng chi thường xuyên KHCN/Tổng chi cho KHCN (%)	100%	99,1%	69,3%

*Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Thái Bình*

Qua biểu đồ trên ta có thể thấy được rằng đa phần nguồn kinh phí dành cho KHCN chủ yếu chi thường xuyên cho sự nghiệp khoa học công nghệ: năm 2020 chiếm 100% năm 2021 là 99,1% và năm 2022 là 69,3%.

Với mục tiêu phát triển KHCN nên Thái Bình cũng đã và đang tập trung nhiều cho đầu tư phát triển như tập trung mua mới và nâng cấp các trang thiết bị nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác phục vụ phát triển KHCN. Với việc đầu tư mạnh đó, Thái Bình đang đầu tư và ứng dụng vào các lĩnh vực nông nghiệp, công thương nghiệp, y tế và khoa học xã hội. Bên cạnh việc đầu tư phát triển thì chi sự nghiệp khoa học công nghệ cũng được ngày càng quan tâm như thực hiện các đề tài, nhiệm vụ theo chức năng, các hoạt động quản lý KHCN, triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu...

**Đánh giá về tình hình thực hiện phân bổ ngân sách của STC đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình, cán bộ thuộc đối tượng phỏng vấn có ý kiến như sau:** Để thực hiện đúng mục tiêu về khoa học công nghệ tỉnh Thái Bình đề ra thì việc phân bổ ngân sách là quan trọng. Sở Tài chính tiến



hành các bước phân bổ rõ ràng, chi tiết dựa trên các quy định của pháp luật. Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực tương đối phù hợp với tình hình ngân sách, trong thực tế việc phân bổ cho KHCN vào những ngành lĩnh vực cần phải dựa trên các nền tảng và khả năng thực hiện như công cụ, trình độ... Do vậy, nhiều khi không thực sự phù hợp. Việc phân bổ được dựa trên đề xuất DTNS của các đơn vị, và theo chỉ thị của cấp trên. STC cũng đã thực hiện phân bổ kinh phí tương đối kịp thời, đúng thời điểm.

### 2.3.1.3. Kết quả hướng dẫn lập, thẩm định dự toán

**Bảng 2.5: Tỷ lệ chi thường xuyên cho KHCN so với tổng CTX của cả tỉnh ở một số tỉnh lân cận**

*DVT: Tỷ đồng*

Tỉnh	Tỷ lệ CTX cho KHCN trung bình (%)	2020			2021			2022		
		CTX cho KHCN	Tổng CTX của tỉnh	Tỷ lệ CTX NSNN cho KHCN (%)	CTX cho KHCN	Tổng CTX của tỉnh	Tỷ lệ CTX NSNN cho KHCN (%)	CTX cho KHCN	Tổng CTX của tỉnh	Tỷ lệ CTX NSNN cho KHCN (%)
Thái Bình	0,36%	31,7	8409	0,38%	33,0	8726	0,38%	33,9	10258	0,33%
Hưng Yên	0,46%	30,4	6665	0,46%	30,5	6398	0,48%	32,2	7373	0,44%
Hà Nam	0,50%	29,0	5659	0,52%	31,0	5789	0,53%	31,9	6952	0,46%
Nam Định	0,31%	27,2	8445	0,32%	26,8	8296	0,32%	27,6	9408	0,29%

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

Từ bảng so sánh trên ta thấy, việc bố trí ngân sách chi cho khoa học và công nghệ như sau: Tổng chi thường xuyên ngân sách cho sự nghiệp khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 có chuyển biến tăng từ từ qua các năm, đến năm 2022 mức chi là 33,9 tỷ đồng. Tổng chi thường xuyên có chuyển biến tăng theo thời gian có thể do sự biến động của tình hình lạm phát và giá cả thị trường hoặc sự gia tăng về số lượng bộ máy quản lý và nhân sự trong cơ quan công quyền. Về con số tuyệt đối, số dự toán chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN trong cả 3 năm của tỉnh Thái Bình đều lớn nhất trong 4 tỉnh: Năm 2020 là 31,7 tỷ; năm 2021 là 33 tỷ; năm 2022 là 33,9 tỷ. Về con số tương đối, tỷ lệ chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN so với tổng chi thường xuyên của cả tỉnh Thái Bình trong giai đoạn 2020-2022 là 0,36%, cao hơn tỉnh Nam Định, thấp hơn tỉnh Hưng Yên và Hà Nam. Như vậy mức đầu tư NSNN chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình nằm trong mức trung bình chung so với các tỉnh lân cận, một phần là do hội đồng nhân dân thường đưa ra quyết định con số dự toán theo con số cấp trung ương giao xuống cho các tỉnh. Nên mức đầu tư chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN giữa các tỉnh lân cận không có sự chênh

lệch quá lớn.

**Bảng 2.6: Tổng hợp kết quả lập dự toán và thẩm định dự toán chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020-2022**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>Năm</b>	<b>Dự toán do các đơn vị lập</b>	<b>Dự toán do STC thẩm định</b>	<b>Tỷ lệ kinh phí lập dự toán chưa đảm bảo quy định</b>
2020	31680	31680	0 %
2021	32966	32966	0 %
2022	33916	33916	0 %

*Nguồn: STC Thái Bình giai đoạn 2020-2022*

Từ bảng số liệu trên có thể thấy, các đơn vị xây dựng DTNS chi thường xuyên khá sát với tình hình thu chi thực tế, vì thế STC tham gia ý kiến phê duyệt gần như là không cắt giảm khoản nào. Ở thời kỳ ổn định ngân sách, cả 3 năm trong giai đoạn 2020-2022 số cắt giảm đều là 0% trên tổng chi được duyệt. Như vậy, tỷ lệ kinh phí lập dự toán chưa đảm bảo quy định là 0% ở cả 3 năm. Đối với chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN, cắt giảm lớn nhất là vào năm 2019, con số từ 30.758 triệu đồng xuống còn 29.085 triệu đồng, giảm bớt 1.673 triệu đồng, con số này chiếm 5,75% trên tổng chi cho sự nghiệp, do đây là năm đầu trong giai đoạn ổn định, các đơn vị chưa am hiểu về định mức chi cho sự nghiệp KHCN. Như vậy dưới sự hướng dẫn tích cực của STC, đơn vị đã đúc rút được kinh nghiệm lập dự toán từ năm trước và thực hiện tương đối tốt công tác dự toán dựa trên định mức và phân bổ.

**Đánh giá về tình hình xây dựng DTNS của STC đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình, cán bộ thuộc đối tượng tham gia phỏng vấn có tham gia như sau:** Dự toán được xây dựng phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của tỉnh vì: các đề tài dự án, các chương trình khoa học công nghệ đều phải tuân thủ theo định hướng chung của toàn tỉnh. Quá trình xây dựng kế hoạch cần phải thu thập dữ liệu thống kê từ nhiều cơ quan về khả năng thực hiện, nguồn nhân lực thực hiện... Từ đó xây dựng được kế hoạch sát với nhiệm vụ phát sinh thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Các cơ quan cung cấp thông tin chung chung, các lĩnh vực nghiên cứu không rõ ràng, thông tin của các chủ nhiệm đề tài không nhiều... nên quá trình thu thập thông tin gặp tương đối khó khăn. Thời gian để thảo luận các khoản chi NSNN cho hoạt động khoa học công nghệ còn chưa hợp lý so với tính chất công việc. STC Thái Bình chưa có phần mềm hỗ trợ đặc thù chuyên dụng trong việc

lập DTNS, hiện đang làm thủ công trên Word, Excel.

**Về cơ bản, Sở Tài chính đã giao dự toán chi thường xuyên NSNN cho các đơn vị sự nghiệp KHCN phù hợp với quy định Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết HĐND tỉnh, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề sau:**

- Một số nội dung giao dự toán chưa có quy định, định mức cụ thể, một số quy định nên bỏ, như điều kiện để được công nhận là chuyên viên chính hay chuyên viên cao cấp, kiểm toán viên chính phải có đề tài khoa học được công nhận. Quy định như vậy làm cho cán bộ, công chức, tổ chức và các đối tượng khác đăng ký đề tài và sao chép để đảm bảo cho đề tài được nghiệm thu chứ không ứng dụng được nhiều trong thực tiễn, điều này khiến việc thực hiện đề tài tràn lan và không đảm bảo hiệu quả.

- Việc quản lý, sử dụng vốn NSNN, tài sản và các nguồn lực cho nhiệm vụ KHCN không thực sự hiệu quả. Nhiều chính sách không triển khai được do điều kiện chương trình chưa sát với tình hình cơ sở hạ tầng, vật chất và nguồn vốn tại địa phương. Công tác lập, phê duyệt nhiệm vụ KHCN chưa có nguồn vốn bố trí, nguồn kinh phí phân bổ cho lập đề tài KHCN giải ngân chậm hoặc không hết do vướng mắc trong công tác lập, thẩm định nhiệm vụ và dự toán đề tài KHCN.

- Việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN chưa sát với thực tiễn cũng như vượt quá khả năng của đơn vị, thực hiện nhiệm vụ KHCN chậm tiến độ so với thuyết minh được phê duyệt dẫn đến việc phải xin gia hạn thời gian thực hiện, số chi chuyển nguồn kinh phí hàng năm lớn gây lãng phí nguồn lực NSNN.

### ***2.3.2. Thực trạng thực hiện chấp hành dự toán kinh phí chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ***

Sở Tài chính ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện DTNS, điều hành và cấp phát kinh phí qua hệ thống kho bạc chi trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp KHCN thuộc Sở KHCN như Văn phòng Sở KHCN, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm ứng dụng thông tin khoa học công nghệ và đo lường thử nghiệm. Sau khi HĐND tỉnh phê duyệt dự toán chi thường xuyên NSNN, UBND tỉnh quyết định giao nhiệm vụ chi thường xuyên ngân sách cho từng đơn vị KHCN. Căn cứ vào dự toán được giao, các đơn vị sự nghiệp KHCN lập DTNS chi thường xuyên của đơn vị cho cả năm, phân thành 4 quý, chi tiết theo các mục chi gửi về Sở Tài chính thẩm định. Nếu thống nhất với phương án phân bổ dự toán của các đơn vị, Sở Tài chính thông báo cấp phát cho đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc nhà nước để kiểm soát chi. Nếu chưa thống nhất, Sở Tài chính có công văn trả lời, hướng dẫn đơn vị điều chỉnh lại theo đúng quy định. Các đơn vị dự toán được quyền chủ động sử dụng nguồn kinh phí theo quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nghị định 43/2016/NĐ-CP; Nghị

định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với các khoản kinh phí bổ sung khác được cấp có thẩm quyền giao, Sở KHCN và các đơn vị sự nghiệp KHCN gửi Sở Tài chính, Sở Tài chính trình UBND tỉnh cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện.

Giai đoạn 2020-2022, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện dự toán số 151/STC-QLNS ngày 14/01/2020, 59/STC-QLNS ngày 08/1/2021, 167/STC-QLNS ngày 20/1/2022.

**Bảng 2.7: Nguồn vốn chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình**

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tổng	2020	2021	2022
Tổng chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN	98.562	31.680	32.966	33.916
Chi từ nguồn NSNN	96.394	31.268	32.175	32.966
Chi từ nguồn thu sự nghiệp	2.168	412	791	950
Tỷ lệ % chi từ nguồn NSNN so với tổng chi thường xuyên cho sự nghiệp KHCN	97,8%	98,7%	97,6%	97,2%

*Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Thái Bình*

Biểu trên ta nhận thấy một số điểm cần chú ý sau, trong giai đoạn 2020-2022, tổng nguồn kinh phí thường xuyên NSNN chi cho sự nghiệp khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh là 98.562 triệu đồng. Trong đó: Chi từ nguồn NSNN cấp là 96.394 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 97,8% tổng nguồn NSNN cho thường xuyên cho sự nghiệp KHCN, chi từ nguồn thu sự nghiệp là 2.168 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 2,2% tổng chi.

Về số tuyệt đối, kinh phí chi thường xuyên từ nguồn NSNN cho sự nghiệp KHCN có xu hướng chuyển dịch tăng đều trong các năm gần đây. Tuy nhiên về số tương đối lại có xu hướng giảm dần theo các năm, chi từ nguồn NSNN cho sự nghiệp KHCN năm 2020 chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối là 98,7% tổng chi thường xuyên cho KHCN, giảm còn 97,2% vào năm 2022. Bên cạnh nguồn vốn NSNN được cấp, tỉnh đã chủ trương huy động nguồn thu sự nghiệp, thu phí và lệ phí...để chi cho sự nghiệp KHCN, các đơn vị cũng chủ động thực hiện thu để phục vụ trong việc tự chủ các mục chi. Dù vậy, các mục thu của lĩnh vực này còn hạn chế, vẫn cần có những khoản chi để hướng tới mục tiêu khuyến khích phát triển KHCN. Vì vậy, chi từ nguồn thu của lĩnh vực này hàng năm chỉ đóng góp khoảng 2,2% tổng CTX cho KHCN. Điều này thể hiện vai trò quan trọng của nguồn vốn CTX từ NSNN đối với sự nghiệp KHCN của tỉnh đồng thời cũng tạo ra gánh nặng đối với ngân sách địa phương trong việc cân đối các khoản thu để kịp thời đáp ứng những khoản chi cần thiết của ngành này.

**Bảng 2.8: Thực hiện chi thường xuyên cho hoạt động KH&CN***Đơn vị: triệu đồng*

STT	Nội dung	2020		2021		2022	
		Tổng cộng (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Tổng cộng (tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Tổng cộng (tr.đ)	Tỷ trọng (%)
		<b>31.680</b>	<b>100</b>	<b>32.966</b>	<b>100</b>	<b>33.916</b>	<b>100</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN trung ương ủy quyền địa phương quản lý	700	2%	0	0%	950	3%
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện	19.750	62%	18.932	57%	21.590	64%
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	770	2%	800	2%	778	2%
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	3.380	11%	4.380	13%	3.545	10%
4.1	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	2.380		3.280		2.515	
4.2	Sở hữu trí tuệ	100		100		100	
4.3	Thông tin và thống kê KH&CN	270		270		280	
4.4	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	100		100		100	
4.5	Đào tạo, tập huấn	100		100		100	
4.6	Đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ	200		300		200	
4.7	Thanh tra KH&CN	160		160		180	
4.8	Hợp tác quốc tế	70		70		70	
5	Chi các đơn vị sự nghiệp	2.740	9%	2.800	8%	2.840	8%
6	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp	250	1%	2.104	6%	200	1%
7	Chi khác	4.090	13%	3.950	12%	4.013	12%

*Nguồn: Sở Khoa học công nghệ tỉnh Thái Bình*

Từ bảng trên cho thấy tỷ trọng chi cho nhiệm vụ khoa học công nghệ luôn chiếm đa số tổng chi thường xuyên và có xu hướng ổn định qua các năm trong giai đoạn 2020-2022. Năm 2021, khoản chi tăng tiềm lực, chống xuống cấp phát sinh đột xuất tăng từ 1% ở năm 2020 lên 6% ở năm 2021 nên phải lấy nguồn kinh phí từ các khoản khác, nhiệm vụ khoa học vì thế cũng giảm tỷ trọng từ 62% ở năm 2020 xuống 57% ở năm 2021. Chi cho các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và các hoạt động quản lý nhà nước ổn định và không có biến động nhiều. Điều này cho thấy, việc đầu tư cơ sở vật chất cho sự nghiệp KH&CN vẫn còn hạn hẹp, phải cân đối chi từ các nguồn khác. Vì vậy để quản lý chi thường xuyên cho

sự nghiệp KHCN đạt hiệu quả, trước hết cần quản lý tốt khoản chi cho việc thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Sở KHCN tỉnh Thái Bình đã phối hợp với các đơn vị chức năng, các UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh và cấp cơ sở được UBND tỉnh giao hằng năm. Đối với Sở Tài chính, đã phối hợp với sở KHCN thực hiện tốt các nhiệm vụ KHCN được giao như: Tham gia họp hội đồng KHCN xét duyệt, thẩm định kinh phí thực hiện các đề tài, dự án; xem xét, bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước; kiểm tra, giám sát việc cấp kinh phí thực hiện một số đề tài nghiên cứu; xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN; hướng dẫn sở KHCN sử dụng nguồn kinh phí được giao cho các đơn vị sự nghiệp như trung tâm đo lường chất lượng trong việc tiến hành các hoạt động như kiểm tra kiểm tra cân, phối hợp và hỗ trợ trung tâm phát triển khoa học công nghệ...

Theo số liệu bảng trên ta thấy kinh phí chi thường xuyên cho quỹ lương và chi hoạt động của sự nghiệp KHCN, tỷ lệ duy trì cũng tương đối ổn định trong giai đoạn 2020-2022. Việc phân bổ kinh phí chủ yếu tập trung ở thực hiện các nhiệm vụ KHCN. Việc nghiên cứu và triển khai các đề tài dự án là việc cấp bách nhằm triển khai những ứng dụng khoa học mới nhất vào sản xuất kinh doanh. Thái Bình đã tập trung nguồn lực cho các đề tài dự án thuộc những lĩnh vực quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân. Thông qua việc triển khai nghiên cứu các nhiệm vụ KHCN, nhiều quy trình kỹ thuật sản xuất các giống cây, con mới được xây dựng và hoàn thiện cho phù hợp điều kiện của Thái Bình giúp người dân dễ tiếp nhận và ứng dụng vào sản xuất; nghiên cứu, ứng dụng chế phẩm vi sinh trong xử lý môi trường nước thải, môi trường nuôi gia súc, gia cầm đã phát huy khá hiệu quả trong thực tiễn sản xuất và đời sống; cung cấp những luận cứ khoa học, cơ sở thực tiễn phong phú cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

**Đánh giá về việc thực hiện chấp hành của Sở Tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình, cán bộ thuộc đối tượng phỏng vấn đã có ý kiến như sau:** Hiện nay, do khối lượng công việc nhiều, số lượng cắt giảm biên chế của Sở Tài chính ngày một tăng, trong 4 năm liên tiếp Sở Tài chính cắt giảm 5 biên chế đều giữ các chức vụ phó, trưởng phòng, vì vậy việc giải quyết các công việc của Sở Tài chính có phần chậm trễ. Mặc dù vậy, các trường hợp phát sinh được Sở Tài chính giải quyết nhanh chóng, kịp thời, trả lời thỏa đáng. Do giai đoạn 2020-2022 có nhiều khó khăn trong việc cân đối ngân sách nên việc cấp phát có những lúc cần phải xem xét bố trí, vì thế quá trình cấp phát nhiều khi không đúng hạn. Sở Tài chính tham gia thẩm định kinh phí theo quy định về định mức chi, vì vậy nhiều khi cán

bộ xử lý không linh hoạt, các đề tài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và có những trường hợp mới phát sinh mà cán bộ Sở Tài chính chưa từng giải quyết...

### **2.3.3. Thực trạng quyết toán chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

Quyết toán là một trong những hoạt động quan trọng của mỗi cơ quan, thông qua hoạt động quyết toán sẽ giúp ngăn chặn các sai sót trọng yếu, hành vi gian lận gây ảnh hưởng xấu đến NSNN. Trong quá trình quyết toán, cán bộ kho bạc sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh các khoản đã ứng, các khoản đã chi để xem xét tính hợp lý, nếu nhận thấy sự không phù hợp có thể dừng quyết toán, yêu cầu bổ sung các giấy tờ, hóa đơn... cần thiết. Báo cáo quyết toán của các đơn vị được thực hiện theo quy định mới tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp. Ngoài ra, liên quan đến quyết toán về chi ngân sách, Chính phủ đã ban hành Nghị định 95/2014/NĐ-CP, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ đã ban hành Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC về cơ chế khoán nhiệm vụ chi KHCN có sử dụng NSNN, theo hướng thiết kế là căn cứ vào hiệu quả và kết quả đầu ra để chi ngân sách.

Đối với các đơn vị sự nghiệp KHCN thuộc tỉnh (thuộc trách nhiệm quyết toán của Phòng Hành chính sự nghiệp): Khi kết thúc năm ngân sách, kế toán của các đơn vị sử dụng ngân sách lập báo cáo quyết toán theo đúng biểu mẫu, thời gian quy định gửi về Sở Tài chính, Sở Khoa học công nghệ.

Đối với các đơn vị dự toán trực thuộc Sở KHCN có trách nhiệm xét duyệt quyết toán trực tiếp sau đó tổng hợp số liệu gửi về Sở Tài chính để thẩm định quyết toán. Sau khi xét duyệt, thẩm định quyết toán cho các đơn vị, Phòng Tài chính HCSN tổng hợp số liệu quyết toán chi sự nghiệp KHCN gửi phòng QLNS tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách của tỉnh hàng năm.

**Bảng 2.9: Kết quả thẩm định quyết toán của Sở Tài chính đối với nội dung chi thường xuyên sự nghiệp KHCN**

*DVT: Triệu đồng*

Năm	Dự toán		Số chuyển nguồn	Quyết toán	Tỷ lệ kinh phí chuyển nguồn (%)	So sánh QT/DT (%)	
	Cấp trên giao	HĐND quyết định				BTC giao	HĐND giao
2020	31680	31680	4920	26760	16	84	84
2021	32966	32966	5434	27532	16	84	84

2022	33916	33916	3927	29989	11,6	88,4	88,4
------	-------	-------	------	-------	------	------	------

*Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Thái Bình*

Từ bảng số liệu trên có thể nhận xét như sau, quyết toán CTX giai đoạn 2020-2022 đạt từ 84 đến 88% dự toán HDND giao, do tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương và một số nhiệm vụ chi không thực hiện được do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 và chi chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện, đã một phần đạt các chỉ tiêu theo kế hoạch DTNS giao đầu năm. Tỷ lệ kinh phí chuyển nguồn dao động từ 10-20% so với dự toán.

**Bảng 2.10: So sánh kết quả thẩm định quyết toán nội dung chi sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình với một số tỉnh lân cận.**

*ĐVT: Triệu đồng*

Tỉnh	2020			2021			2022		
	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)	Dự toán	Quyết toán	So sánh QT/DT (%)
Thái Bình	31680	26760	84	32966	27532	84	33916	29989	88,4
Hung Yên	30371	31518	104	30454	35159	115,4	32244	24988	77
Hà Nam	29474	6289	21,3	30958	16395	53	31932	27415	85,85
Nam Định	27244	27593	101	26776	26155	98	27634	25721	93

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

Từ bảng số liệu so sánh trên có thể thấy tỷ lệ kinh phí quyết toán của tỉnh Nam Định trong 3 năm luôn ở mức cao một cách ổn định và khá sát dự toán: Năm 2020 là 101%, năm 2021 là 98%, năm 2022 là 93%; năm 2020 chi vượt dự toán chỉ 1%. Tỷ lệ kinh phí quyết toán của tỉnh Hưng Yên cũng duy trì ở mức cao, tuy nhiên không ổn định, có năm 2021 vượt dự toán 15,4%, còn năm 2022 đạt ở mức 77%. Đối với tỉnh Hà Nam, tỷ lệ này trong 3 năm thì có 2 năm ở mức thấp, năm 2020 chỉ đạt 21,3%; năm 2021 chỉ đạt ở mức 53%, có một năm 2022 ở mức khá tốt: 85,85%.

Như vậy, Thái Bình là một tỉnh duy trì tỷ lệ kinh phí quyết toán ở mức khá tốt, ổn định qua các năm, chỉ đứng sau tỉnh Nam Định trong công tác quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN.

**Đánh giá về tình hình quyết toán của Sở Tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình**, cán bộ thuộc đối tượng phỏng vấn đã có ý kiến như sau: Quá trình quyết toán là rất quan trọng, cán bộ Sở sẽ tiến hành kiểm tra tất cả các giấy tờ, hồ sơ, giải trình... đảm bảo đúng theo quy định của nhà nước. Trước khi quyết toán, cán bộ Sở cũng đã tiến hành gọi điện nhắc nhở,



trả lời thắc mắc, cũng như hướng dẫn làm hồ sơ quyết toán. Quy trình quyết toán được công khai và thông báo rõ ràng đến các đơn vị. Xét duyệt, thẩm định, thông báo kết quả quyết toán theo quy định. Công tác chuẩn bị cho việc quyết toán chi phí cho hoạt động KHCCN được thực hiện tương đối tốt, các cán bộ sở KHCCN được giao trách nhiệm theo dõi đã làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình.

Về cơ bản Sở Tài chính đã đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp KHCCN hoàn thành tốt nội dung quyết toán của năm ngân sách, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Bên cạnh đó nội dung quyết toán tài chính vẫn còn một số điểm lưu ý như sau: Chất lượng thẩm tra chưa cao do số lượng cán bộ chưa tương xứng với khối lượng công việc và số lượng đơn vị, báo cáo quyết toán chưa chi tiết được đến từng mục và tiểu mục dẫn đến nhiều mục chi phải điều chỉnh vào cuối năm và trong thời gian chỉnh lý quyết toán. Ngoài ra, tại một số đơn vị nội dung quyết toán của Sở Tài chính chỉ dừng ở mặt tổng hợp, đối chiếu số liệu, chưa phát hiện đầy đủ, kịp thời và xử lý dứt điểm các sai phạm.

## **2.4. Đánh giá quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

### ***2.4.1. Kết quả đạt được của quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ***

#### **a. Bảo đảm chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCCN theo đúng quy định của pháp luật, đạt mục tiêu.**

- Việc lập DTNS cơ bản đã làm tốt công tác hướng dẫn, tuân thủ đúng quy trình và quy định. Các ĐVSN lĩnh vực KHCCN sử dụng NSNN dưới sự hướng dẫn của các cán bộ STC Thái Bình đã làm tốt công tác lập kế hoạch chi cho năm ngân sách và thực hiện theo DTNS.

- Thực hiện tốt công tác tiết kiệm triệt để các khoản chi hành chính, tiết kiệm 10% ngân sách cho quỹ cải cách tiền lương.

- Quy trình thực hiện từ bước hướng dẫn, phân bổ cho đến QTNS được thực hiện nghiêm túc và quản lý chặt chẽ. Chi trực tiếp qua kho bạc giúp đảm bảo các khoản chi có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ, giảm tối thiểu các khoản chi sai, lệch dự toán.

- Phân bổ ngân sách theo Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND đã tạo thuận lợi cho các đơn vị chủ động trong xây dựng và quyết định ngân sách của đơn vị mình, khuyến khích các đơn vị tăng cường nội dung quản lý tài chính, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả, góp phần làm tốt công tác cân đối ngân sách và

thực hiện tốt các mục tiêu phát triển KTXH.

**b. Đảm bảo thời gian thực hiện đúng tiến độ , công khai minh bạch các nội dung.**

- Quy trình và kết quả dự toán, quyết toán NSNN được tổ chức công khai và được giám sát bởi các cơ quan cấp trên, đảm bảo tính dân chủ, được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch. Thực hiện theo quy định tại Nghị định 43/2006/NĐ-CP; Nghị định 16/2015/NĐ-CP về quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập bước đầu đã mang lại một số kết quả nhất định, 100% các đơn vị sự nghiệp KHCCN nộp báo cáo quyết toán các năm đúng thời hạn so với quy định.

- Nội dung quyết toán: Sở Tài chính đã đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp KHCCN hoàn thành tốt công tác quyết toán năm đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định, tổng hợp quyết toán kịp thời, đảm bảo tiến độ để tổng hợp quyết toán chung toàn tỉnh.

- Sở Tài chính đã hướng dẫn các đơn vị đảm bảo công khai số liệu dự toán, quyết toán NSNN theo đúng quy định. Các báo cáo của đơn vị về việc công khai số liệu đầy đủ và đúng thời hạn.

**2.4.2. Điểm mạnh trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

*Thứ nhất: Trong công tác hướng dẫn xây dựng, thẩm định dự toán, có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cơ quan cấp trên đảm bảo đúng quy trình và các quy định của pháp luật, uốn nắn kịp thời quá trình lập dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị, địa phương cũng như cho sự nghiệp KHCCN của tỉnh.*

*Thứ hai: Trong công tác thực hiện chấp hành dự toán, đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành tài chính, kho bạc và các cơ quan đơn vị thụ hưởng, đảm bảo việc cấp phát theo dự toán, đúng chính sách, chế độ và tiêu chuẩn định mức. Bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn tài chính đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chi đã có trong dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.*

*Thứ ba: Trong công tác quyết toán, 100% các đơn vị đã triển khai các phần mềm kế toán giúp việc theo dõi, hạch toán được nhanh chóng, hiệu quả, rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục thanh toán, quyết toán. Công tác kế toán ở cơ sở phát huy vai trò, trách nhiệm trong thực hiện quy trình tổ chức quyết toán.*

*Thứ tư: Trong công tác kiểm tra, giám sát, chương trình kiểm tra giám sát theo kế hoạch diễn ra thường xuyên 1-2 lần/năm đảm bảo việc tuân thủ và chấp hành dự toán, các đơn vị cũng có thời gian cho sự chuẩn bị tài liệu, không làm ảnh hưởng tới hoạt động*

bình thường của đơn vị, từ đó thấy được điểm hạn chế để khắc phục, sửa chữa kịp thời.

### **2.4.3. Những hạn chế trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

#### **a. Bộ máy quản lý chi thường xuyên của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp KHCN của tỉnh**

- Trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn của các cán bộ làm ở STC đặc biệt liên quan đến hai phòng chuyên môn quản lý NSNN và các ĐVSN chưa đáp ứng với tính chất công việc; nhận thức của cán bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn chưa đầy đủ, một số cán bộ trẻ mới vào chưa có thực tiễn, cán bộ thuộc đối tượng thế hệ cũ chưa sử dụng thành thạo các kỹ năng xử lý vi tính, kỹ năng công nghệ thông tin, truyền đạt kinh nghiệm cho cán bộ trẻ chưa nắm rõ hoặc cập nhật các nội dung quy định về quản lý chi thường xuyên, ảnh hưởng đến công tác quản lý CTX NSNN của tỉnh cũng như trong lĩnh vực KHCN. Mặt khác, chế tài xử lý vi phạm chưa được thực hiện triệt để, nội dung thiếu rõ ràng cụ thể nên rất khó cho công tác xử lý. Việc đánh giá hiệu quả xử lý công việc của các cán bộ không cụ thể và rõ ràng.

- Cơ cấu số lượng cán bộ trong các phòng không đủ để đáp ứng với khối lượng công việc khổng lồ hàng ngày đòi hỏi xử lý đúng thời hạn theo quy định. Tính chất công việc phức tạp, khó thực hiện, số lượng công việc nhiều, nhưng thời hạn xử lý cấp trên giao chưa tương xứng, cán bộ không kịp nghiên cứu văn bản làm ảnh hưởng tới công tác tham mưu. Thời gian xử lý cần đúng thời hạn, cán bộ không đủ nguồn lực để nghiên cứu nên xảy ra tình trạng có sai sót.

- Việc phân công cho mỗi cán bộ chuyên quản phụ trách một lĩnh vực hay một mảng nhiệm vụ là chưa đáp ứng thực tiễn và còn nhiều bất cập. Ví dụ: Cán bộ theo dõi đơn vị sự nghiệp KHCN thực hiện nhiệm vụ, tham mưu cấp trên trong việc cấp phát kinh phí CTX tại phòng Tài chính HCSN có việc cá nhân xin nghỉ phép vài ngày thì công việc chủ trì của cá nhân đó cũng bị chậm tiến độ và trong thời gian đó nội dung tham mưu chắc chắn bị chậm tiến độ, số kinh phí xét duyệt cho đơn vị thụ hưởng sẽ bị chậm trễ, lùi lại cho đến khi nhân viên đó đi làm trở lại.

#### **b. Trong công tác quản lý chi thường xuyên của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp KHCN của tỉnh**

##### **\* Nội dung hướng dẫn xây dựng dự toán CTX đối với sự nghiệp KHCN của tỉnh còn nhiều bất cập:**

- Hướng dẫn của STC Thái Bình về lập dự toán CTX NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh chủ yếu dựa trên các quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính và quan điểm điều

hành ngân sách của tỉnh. Nội dung hướng dẫn lập dự toán cho các đơn vị sự nghiệp KHCN chưa thể hiện hết các nhiệm vụ chi, không đánh giá và lường trước được các vấn đề có thể xảy ra. Việc sử dụng NSNN cho thực hiện nhiệm vụ KH&CN vẫn còn tình trạng tồn đọng vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ thể hiện qua kinh phí chuyển nguồn hằng năm còn lớn; chậm xây dựng và phê duyệt nhiệm vụ, đề tài, dự án kéo theo phân bổ và sử dụng không kịp, không hết dự toán chi ngân sách nhà nước được giao.

- Nội dung hướng dẫn rườm rà, phức tạp, không thống nhất giữa văn bản chỉ đạo của cấp trên với luật, nghị định, chỉ thị, công tác kế toán tại đơn vị triển khai còn yếu, chưa nắm được chi tiết và còn nhiều khúc mắc trong quá trình thực hiện chưa được giải đáp kịp thời. Việc đánh giá kết quả của nhiệm vụ KHCN còn nhiều vướng mắc và nội dung không rõ ràng.

- Việc dựa vào thông tin từ các báo cáo của các ĐVSN khoa học công nghệ lập dự toán CTX cho lĩnh vực chuyên quản để thẩm định của STC Thái Bình thường bị động do các ĐVSN luôn lập cao hơn nhu cầu thực tế, trong khi dữ liệu thông tin để thẩm định không đầy đủ, thiếu cập nhật so với giá trị thị trường, biến động xã hội (như: lạm phát, dân số, thiên tai, dịch bệnh...). Ngoài ra, việc đánh giá được giá trị kết quả của đề tài nghiên cứu, nhiệm vụ KHCN còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai không dự đoán, lường trước những vấn đề bất thường có thể làm sai lệch tình hình ...

- Công tác hướng dẫn xây dựng DTNS hiện nay chỉ dừng lại ở hướng dẫn chung toàn tỉnh, chưa đi sâu sát vào từng lĩnh vực, vì vậy chưa hướng dẫn được tường tận vào từng mục chi, từng đề tài dự án sao cho phù hợp với kế hoạch, mục tiêu của tỉnh về phát triển KTXH, việc hướng dẫn vẫn do cán bộ chuyên quản trao đổi trực tiếp với kế toán tại đơn vị là chủ yếu .

**\* Nội dung thực hiện chấp hành dự toán CTX đối với sự nghiệp KHCN**

- Việc phân quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp KHCN chưa triệt để làm giảm tính chủ động, trách nhiệm của đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ.

- Thái Bình là tỉnh chưa cân đối được thu chi ngân sách, trong quá trình bố trí kinh phí thực hiện các khoản theo kế hoạch vẫn còn tình trạng giặt gấu vá vai, chưa đủ nguồn lực để trang trải hết các khoản chi, vì vậy đôi lúc cấp phát còn có phần chậm trễ.

- Các định mức kinh tế, kỹ thuật chi tiêu chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình lạm phát của xã hội và diễn biến thị trường, ảnh hưởng tới công tác chấp hành DTNS.

**\* Hạn chế trong nội dung quyết toán:**

- Hiện nay, Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực ở địa phương có quyền thực hiện giám sát các hoạt động của cơ quan hành chính bao gồm cả giám sát

các nội dung phân cấp, hoạt động của các cơ quan sử dụng NSNN. Hằng năm các chương trình giám sát theo kế hoạch 1-2 lần/năm hoặc theo chuyên đề đột xuất. Vì thế, có thể nói, việc kiểm tra giám sát không thuộc trách nhiệm của STC, công tác quyết toán chỉ dừng ở mức tổng hợp số liệu, không có sự tham gia ý kiến và giám sát thường xuyên.

- STC tổng hợp số liệu từ nhiều đơn vị, địa phương trong thời hạn thực hiện nhiệm vụ, vì vậy cứ đến thời hạn báo cáo khối lượng công việc dồn lại quá lớn trong khi lực lượng cán bộ hiện tại càng ngày càng tinh giản. Vì vậy STC không thể kiểm tra được hết và có ý kiến kịp thời đối với các bất cập hạn chế còn tồn tại.

- Thời gian chính lý QTNS kéo dài và chưa có quy định cụ thể, STC cũng chưa có văn bản chính thống hướng dẫn công tác QTNS về các nội dung có thể được sửa đổi, điều chỉnh khi phát hiện ra sai sót, lỗi kỹ thuật trong quá trình chính lý quyết toán. Hiện nay, sự quy định không rõ ràng làm cho cán bộ kế toán tại đơn vị cũng như những người làm công tác tài chính không chủ động và thống nhất trong sửa đổi các sai sót khi được phát hiện.

#### ***2.4.4. Nguyên nhân hạn chế trong quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính đối với sự nghiệp khoa học công nghệ (Phân tích nguyên nhân theo các nhân tố ảnh hưởng)***

##### ***2.4.4.1. Các nhân tố thuộc về Sở Tài chính***

- Năng lực quản lý của lãnh đạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ còn hạn chế. Khi mà nền kinh tế có nhiều thay đổi, thông tin được cập nhật đây cũng là cơ hội cho những đối tượng lợi dụng các khe hở cũng như các quy định không chặt chẽ để có thể gây thiệt hại cho NSNN. Do vậy, để đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc, trình độ cán bộ quản lý cần phải được nâng cao.

- Khi khoa học công nghệ thay đổi từng ngày, nhiều ứng dụng được triển khai vào thực tế, cán bộ thuộc thế hệ trước có phần tiếp cận một cách chậm chạp và không kịp cập nhật những xu hướng, kiến thức mới để đáp ứng tốt nhu cầu xử lý công việc. Hơn nữa, với khối lượng công việc lớn, yêu cầu xử lý văn bản trong thời gian hạn hẹp, cán bộ công chức viên chức không có nhiều nguồn lực về thời gian để học các kiến thức mới, khả năng tự học và cập nhật kiến thức cán bộ quản lý còn hạn chế. Trong quá trình xử lý công việc, nhiều trường cần phải tham khảo ý kiến nhiều nơi cũng như chưa thể xác định tính chính xác của thông tin. Điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng lựa chọn công nghệ và triển khai công nghệ của các cán bộ quản lý này.

- Một vài cán bộ chưa nhận thức đầy đủ được tầm quan trọng của việc hướng dẫn chu trình ngân sách chi thường xuyên nên chất lượng các khâu trong chu trình

chưa cao. Vì vậy cũng chưa có sự hướng dẫn, tư vấn cụ thể và tổ chức các buổi hướng hội thảo hướng dẫn cho kế toán các đơn vị, sự hướng dẫn cũng trực tiếp từ cán bộ chuyên quản nên chất lượng không đồng đều và nhất quán.

- Hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác quản lý chi thường xuyên chưa lắp đặt, sửa chữa, trang bị phù hợp với mức độ cần để xử lý công việc đặc biệt đối với những trường hợp trả lời hỏa tốc, gấp gáp, tình trạng máy tính chạy chậm, quá tải và bị treo diễn ra thường xuyên, phần mềm quản lý ngân sách-kho bạc nhà nước (Hệ thống tabmis), phần mềm quản lý mạng văn phòng tỉnh Thái Bình hay xảy ra sự cố vì quá tải sử dụng dẫn đến làm chậm tiến độ trong xử lý công việc cũng như việc điều hành quản lý chi thường xuyên NSNN cho KHCN bị ảnh hưởng.

#### ***2.4.4.2. Các nhân tố bên ngoài Sở Tài chính***

##### **a. Sự phối hợp hoạt động trong bộ máy quản lý chi NSNN cho hoạt động KHCN còn nhiều hạn chế**

Bộ máy quản lý rất quan trọng đối với hoạt động quản lý tài chính nói chung và các hoạt động chi NSNN cho KHCN nói riêng. Để các nhà khoa học có thể sáng tạo ra các phát minh mới, tập trung nghiên cứu và đưa ra các sản phẩm phục vụ đời sống người dân thì bộ máy cần hoạt động hiệu quả, giảm bớt các thủ tục hành chính cũng như có sự phối hợp gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận.

Hiện nay việc quản lý chi thường xuyên NSNN cho hoạt động KHCN được thực hiện bởi hai Sở đó là: Sở Tài chính và Sở Khoa học công nghệ. Sở tài chính là cơ quan giúp việc cho UBND tỉnh trong việc quản lý chung việc thực hiện chi thường xuyên NSNN. Do vậy, việc phân bổ ngân sách, quản lý chung việc CTX NSNN cho hoạt động KHCN còn là trách nhiệm trong việc phối hợp công tác giữa hai Sở. Ngoài ra, STC cũng là đơn vị tham gia xem xét đánh giá các dự toán chi phí của sở KHCN, các đề tài KHCN thực hiện.

Đối với sở KHCN là cơ quan trực tiếp quản lý và sử dụng kinh phí KHCN: Đơn vị đóng vai trò quan trọng từ khâu lập DTNS, chấp hành thực hiện kế hoạch DTNS đến QTNS, đặc biệt thực hiện các khoản chi cho KHCN, đơn vị chủ trì các nhiệm vụ KHCN trên địa bàn tỉnh, sở cũng thực hiện thanh tra, kiểm tra việc CTX NSNN cho hoạt động KHCN, cũng là đơn vị thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán các đề tài. Tuy nhiên, một số đề tài, dự án KHCN do yếu tố khách quan như thời tiết không thuận lợi, dịch bệnh Covid diễn ra phức tạp, thủ tục phê duyệt kế hoạch đấu thầu của Bộ KHCN (đối với các dự án Nông thôn miền núi) chậm so với kế hoạch,... nên dẫn đến chậm tiến độ, không sử dụng hết số kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh hỗ trợ.

## **b. Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập**

- Hệ thống văn bản pháp luật thiếu đồng bộ, cập nhật, chông chéo, không còn phù hợp nhưng chậm ban hành, định mức không được điều chỉnh phù hợp với tình hình lạm phát xã hội.

- Quy định về việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác bên cạnh việc mang đến những mặt tích cực, cũng có những điểm làm cho bộ máy cần phải có những biện pháp khắc phục điểm hạn chế của quy định này: như việc chuyển đổi vị trí công tác giữa các cán bộ, trong điều kiện luật được sửa đổi bổ sung và cập nhật từng ngày, sự khác nhau và đặc thù trong từng lĩnh vực, cán bộ vừa kịp tiếp nhận và thành thạo trong lĩnh vực này đã phải chuyển đổi trong vị trí công tác ở lĩnh vực khác.

- Một số quy định về đầu tư và cơ chế tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ chưa rõ ràng, hoặc không còn phù hợp với thực tiễn phát triển nhưng còn chậm được sửa đổi; quy định về thực hiện khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN đã được ban hành nhưng không được triển khai trong thực tế; chưa có quy định cụ thể phù hợp cho việc mua sắm trong nhiệm vụ KH&CN, đặc biệt là mua sắm cho các khoản kinh phí khoán chi.

- Một số văn bản quy phạm về KH&CN của nhà nước đã ban hành chưa sát với thực tế và thường xuyên thay đổi nên làm phức tạp thêm chu trình, khó triển khai thực hiện như: Quy định về cơ chế quản lý tài chính; Về bàn giao tài sản hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; về cơ chế phát triển thị trường KH&CN; về thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc huy động các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách cho sự nghiệp KH&CN như việc huy động qua quỹ phát triển KH&CN của tỉnh còn hạn chế, làm gánh nặng cho nguồn lực NSNN và gây khó khăn trong công tác phân bổ vốn ngân sách cho sự nghiệp KH&CN. UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 về việc bãi bỏ QĐ 24/2006/QĐ-UBND ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, do không còn phù hợp và đáp ứng được điều kiện thành lập theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc triển khai thực hiện Thông tư 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: Quy định về việc kiểm soát chứng từ thanh toán còn chưa rõ ràng đối với cơ quan quản lý kinh phí và tổ chức chủ trì; quy định sử dụng kinh phí tiết kiệm của nhiệm vụ chưa thực sự có hiệu quả và tạo động lực để các tổ chức, cá nhân thực hiện tiết kiệm chi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quy định và thủ tục thanh toán kinh phí trong KH&CN vẫn còn

rườm rà và phức tạp.

- Theo chiến lược nhà nước đề ra, ngân sách Nhà nước dành cho KHCN là 2%/năm nhưng chưa năm nào được cấp đủ mà nhiều nơi cũng không sử dụng hết trong khi một số tổ chức nghiên cứu lại thiếu ngân sách để thực hiện, kinh phí ít nhưng thực tế có tình trạng sử dụng không hết số tiền này. Nguyên nhân: Thứ nhất, các cơ chế tài chính phải làm sao để các nhà khoa học có được sự tự chủ nhưng không được tùy tiện, tuy nhiên đây vẫn còn là một thách thức trong việc quản lý sử dụng kinh phí NSNN, hiện nay cơ chế vẫn chưa tìm được giải pháp để cân bằng giữa việc đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của các đơn vị KHCN và việc kiểm soát trong quản lý tài chính đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích. Thứ hai, những quy định về định mức chi đã lỗi thời, khoán chi từng phần khó thực hiện, quy định về nghiên cứu khoa học chưa tính đến những rủi ro đặc thù của ngành trong quá trình thực hiện và kết quả đầu ra không theo kế hoạch ban đầu, xu hướng rải đều ngân sách như hiện nay không phù hợp. Từ đó làm cho những đơn vị muốn nghiên cứu khoa học lại không thể thực hiện, đề tài phân bổ cho các đơn vị trở nên mang tính hình thức.



## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH THÁI BÌNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

### **3.1. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình**

#### ***3.1.1. Mục tiêu hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình***

##### **A. Mục tiêu tổng quát**

- Quản lý CTX ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KHCN hướng tới khoản chi hiệu quả, độc lập tự chủ tài chính có sự hỗ trợ của nhà nước, phải được tiến hành trên cơ sở định hướng từ cấp trên về phát triển KTXH và đổi mới quản lý NSNN theo đúng luật định, gắn liền nâng cao năng lực cán bộ làm công tác chuyên quản ĐVSN lĩnh vực KHCN tại Sở Tài chính và đội ngũ kế toán đơn vị sự nghiệp KHCN, phải tiến hành song song với nội dung chuyên đổi số và cải cách hành chính trong quản lý nói chung và QLNS cho lĩnh vực KHCN nói riêng, gắn với lộ trình tăng khả năng tự chủ CTX của các ĐVSN khoa học công nghệ, được tiến hành trên tất cả các khâu của quá trình quản lý ngân sách, phân định rõ trách nhiệm, chức năng của các cơ quan đơn vị, các cơ sở khoa học công nghệ trong việc quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đảm bảo tác động tích cực đến hoạt động của hệ thống KHCN nói riêng và phát triển KT-XH nói chung.

- Phối hợp tốt với Sở KHCN trong việc tham mưu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thực hiện các đề án tự chủ tài chính, đề án thành lập mới Quỹ phát triển KHCN của tỉnh, ban hành các văn bản chính sách về tài chính để huy động các nguồn vốn trong tỉnh, nguồn vốn Trung ương và nước ngoài đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, tạo động lực để các doanh nghiệp, các thành phần KTXH tích cực tham gia vào hoạt động khoa học và công nghệ; nhằm tăng khả năng tự chủ CTX cho các đơn vị KHCN và giảm gánh nặng chi tiêu cho NSNN.

##### **B. Mục tiêu cụ thể**

- 100% kế toán của các ĐVSN lĩnh vực KHCN được tập huấn, đào tạo, cập nhật bổ sung kiến thức về chế độ, chính sách mới: Luật NSNN, Chế độ kế toán hành chính

sự nghiệp, văn bản hướng dẫn chế độ tự chủ.

- Hướng dẫn 100% các ĐVSN lĩnh vực KH&CN lập dự toán đầy đủ, đảm bảo các nhiệm vụ chi, tiến độ theo quy định, giảm bớt số lượng biểu mẫu không cần thiết.

- 100% các đơn vị quyết toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KH&CN đảm bảo về thời gian quyết toán và chất lượng quyết toán.

- 100% các đơn vị được kiểm tra giám sát theo kế hoạch cụ thể, có chế tài xử phạt rõ ràng để đảm bảo tính kỷ cương, kỷ luật trong công tác quản lý chi ngân sách.

- Thẩm định và trình UBND tỉnh giao tự chủ chi thường xuyên NSNN nhóm 3 cho Trung tâm ứng dụng thông tin KH&CN và đo lường thử nghiệm.

### ***3.1.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp khoa học công nghệ của Sở Tài chính***

*Tập trung nguồn ngân sách phát triển khoa học các lĩnh vực nâng cao đời sống người dân:* Tỉnh Thái Bình vẫn là một trong những tỉnh nằm ở mức trung bình của các nước. Thêm vào đó, nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho lĩnh vực KH&CN thì không nhiều, chính vì vậy cần tập trung nguồn ngân sách vào những ngành, lĩnh vực... có khả năng thúc đẩy đời sống người dân như: nâng cao thu nhập nhất là người nông dân, phát triển các loại đặc sản nông nghiệp,...

*Đảm bảo tính công khai minh bạch:* nhằm sử dụng hiệu quả nguồn NSNN cho phát triển KH&CN. Điều này sẽ làm giảm việc tham nhũng, gây thất thoát lãng phí và những hình thức gian lận như: chạy dự án, phân bổ không đúng với mục tiêu chung, sử dụng không đúng nguyên tắc... Tăng cường việc sử dụng hiệu quả nguồn NSNN.

*Tăng cường đổi mới phương thức quản lý:* thay vì sử dụng phương pháp quản lý truyền thống. Sở Tài chính tích cực phối hợp với Sở KH&CN và các đơn vị có liên quan trong việc tăng cường cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính hiệu quả. Một trong những biện pháp được áp dụng đó là quản lý theo kết quả đầu ra, giảm bớt các thủ tục rườm rà, gây phiền hà mà không hiệu quả.

*Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc sử dụng NSNN:* hiệu quả của các công trình khoa học công nghệ có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân. Trong khi đó, tình hình vi phạm các quy định ngày càng tinh vi hơn, tăng cường thanh tra, kiểm tra sẽ đảm bảo hơn trong việc nâng cao hiệu quả chất lượng công trình khoa học: cương quyết loại bỏ các vi phạm làm thất thoát lãng phí NSNN, các công trình không đạt chất lượng, các công trình ít hiệu quả mà sử dụng nhiều kinh phí.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính Thái Bình đối với sự nghiệp khoa học công nghệ**

### **3.2.1. Giải pháp về nâng cao chất lượng bộ máy quản lý chi NSNN đối với sự nghiệp KHCCN của Sở Tài chính**

Để quản lý chi thường xuyên từ NSNN tỉnh nói chung và quản lý chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCCN nói riêng đạt hiệu quả thì phụ thuộc rất lớn vào việc tổ chức bộ máy quản lý NSNN và chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên quản của STC Thái Bình. Do vậy, cần phải có những giải pháp sau để nâng cao chất lượng cán bộ công chức thuộc Sở:

- Tháo gỡ các vướng mắc trong chính sách đào tạo, thu hút và sử dụng tạo nguồn cán bộ quản lý chi thường xuyên NSNN từ sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; sử dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực tài chính nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển đội ngũ trí thức, nguồn nhân lực và chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ tài năng của tỉnh tại Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 10/7/2018, Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 09/7/2019 và Quyết định số 2601/QĐ-UBND ngày 03/9/2020.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về quản lý chi thường xuyên NSNN trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ, có năng lực, trình độ để kế cận đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quản lý nhà nước và lý luận chính trị để đáp ứng yêu cầu công tác.

- Thực hiện nghiêm quy định về phân cấp quản lý và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các vị trí quản lý tài chính chú trọng tới phẩm chất, trình độ, năng lực. Thường xuyên có chính sách động viên, khuyến khích cán bộ quản lý chi thường xuyên đối với sự nghiệp KHCCN chuyên tâm phần đầu công tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, thu hút và trọng dụng nhân tài, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, sắp xếp bố trí tạo điều kiện, cơ hội phát triển cho cán bộ trẻ, đặc biệt là cán bộ nữ.

- Thực hiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ nhằm đáp ứng nhu cầu của vị trí việc làm: các tiêu chuẩn, quy trình, hồ sơ tuyển dụng nhân sự, quy hoạch, điều động, luân chuyển, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, sắp xếp vị trí việc làm theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, tổ chức đào tạo, cử cán bộ, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

- Trên cơ sở Đề án vị trí việc làm cần rà soát, xây dựng tiêu chí rõ ràng, cụ thể đối với từng vị trí việc làm; chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm chuyên nghiệp

- Luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững sự lãnh đạo thống nhất của Đảng ủy trong công tác cán bộ, bảo đảm tính công khai, khách quan, chọn được cán bộ đủ tiêu chuẩn khi bổ nhiệm vào vị trí công tác. Luôn tôn trọng ý kiến của các phòng, ban, đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ. Tuân thủ nghiêm túc các quy định trong các khâu, các bước của công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, đảm bảo quy trình 5 bước khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, tuyển dụng công khai thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho các cán bộ có nhu cầu nghỉ hưu sớm, làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ trẻ, có chính sách đổi mới trong đánh giá thực hiện tiến độ và chất lượng công việc đảm bảo công bằng trong công tác quy hoạch bổ nhiệm, khen thưởng xử phạt, chế độ tiền lương tương xứng với mức độ xử lý công việc.

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng cho lớp kế cận, có chính sách cho các cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong việc cầm tay chỉ việc, hướng dẫn cán bộ trẻ có nhiệt huyết. Xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh giúp cán bộ yên tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp Tài chính. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các phòng ban, đơn vị nâng cao kinh nghiệm thực tiễn, xử lý tình huống cho cán bộ.

### ***3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN trong các khâu hướng dẫn lập, thẩm định, chấp hành dự toán, quyết toán***

#### **\* Đối với khâu hướng dẫn lập dự toán và thẩm định phân bổ dự toán**

Để công tác hướng dẫn lập dự toán và thẩm định dự toán hướng tới đạt được các mục tiêu phát triển KHCN của tỉnh đề ra, không mang tính hình thức, đảm bảo nguồn kinh phí NSNN được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Chiến lược phát triển KHCN được phản ánh ở việc chính quyền trung ương nỗ lực trong cải cách sửa đổi các văn bản, chế độ. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, để làm tốt công tác đánh giá tình hình, tham mưu các cấp lãnh đạo tầm nhìn dài hạn, đạt được các mục tiêu ưu tiên và có những thành tích nổi bật, cần có tầm nhìn dài hạn trong chiến lược đầu tư NSNN cho lĩnh vực KHCN và có những giải pháp cụ thể trong khâu hướng dẫn DTNS như sau:

- Thực hiện cải cách sửa đổi trong quá trình hướng dẫn, phân công nhiệm vụ, đánh giá nội dung hoàn thành công việc được giao đối với cán bộ phụ trách hướng dẫn cho kế toán các ĐVSN lĩnh vực KHCN. Tập trung nguồn lực vào thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Nội dung hướng dẫn cần cụ thể, đi sâu chi tiết vào từng lĩnh

vực cũng như lĩnh vực KHCCN nói riêng.

- Quyết định phân bổ ngân sách cho các tổ chức KHCCN gắn với kết quả hoạt động và đưa ra các tính toán về hiệu suất vào tiêu chí, căn cứ phân bổ. Kết quả hoạt động và kết quả thực hiện các nhiệm vụ có những khía cạnh khác nhau. Xây dựng DTNS và phân bổ ngân sách cho CTX dựa trên đánh giá các kết quả đạt được một cách cụ thể ở các nhiệm vụ, đề tài KHCCN qua các năm. Đối với những đơn vị nào, đã có những công trình khoa học áp dụng vào thực tiễn đạt được hiệu quả cao như: giúp tăng năng suất, giảm nghèo, thì có ưu tiên phân bổ ngân sách cho những đơn vị đã từng thực hiện các công trình khoa học đó. Một trong những căn cứ này được dựa trên kết quả đánh giá công trình sau khi nghiệm thu.

- Cần phối hợp với các sở ban ngành có liên quan trong việc tham mưu cho các cơ quan cấp trên xây dựng DTNS với mức phân bổ cho KHCCN cụ thể được xác định theo các mức ưu tiên trong chiến lược phát triển của từng thời kỳ. Tăng cường phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan có nhiệm vụ trong việc phân bổ ngân sách cho KHCCN: hiện nay có rất nhiều cơ quan tham gia vào việc phân bổ: Sở tài chính chịu trách nhiệm việc phân bổ chi thường xuyên NSNN theo đề xuất của sở KHCCN, Sở KHCCN sẽ chịu trách nhiệm trong việc đề xuất dự toán, phân bổ và kiểm tra giám sát chi tiêu NSNN cho KHCCN. Đối với chi đầu tư phát triển thì Sở KHCCN sẽ tiến hành rà soát mục tiêu, nội dung và đối tượng được đầu tư. Sở cũng kết hợp với Sở kế hoạch đầu tư xem xét đánh giá về các kế hoạch vốn, và sự phù hợp với chiến lược phát triển chung của cả tỉnh.

- Đảm bảo tính công khai minh bạch trong việc sắp xếp và sử dụng chi thường xuyên NSNN cho KHCCN. Trong các báo cáo việc sử dụng ngân sách thì chi cho hoạt động KHCCN được ghi rõ ràng: cho các bộ phận chức năng, cho các khoản mục... Đặc biệt là khi giao kế hoạch NSNN cho khoa học công nghệ vì đây là một trong những yếu tố quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra. Các báo cáo QTNS phải được thể hiện các chỉ tiêu theo dõi đánh giá việc sử dụng chi thường xuyên NSNN một cách toàn diện. Đây cũng là cơ sở và là căn cứ để đánh giá hiệu quả việc chi thường xuyên NSNN cho KHCCN cũng như nâng cao tính minh bạch trong việc phân bổ NSNN.

#### **\*Đối với việc thực hiện chấp hành chi theo dự toán**

- Thực hiện cân đối thu chi ngân sách, đảm bảo ngân sách cho các nhiệm vụ chi KHCCN: Chủ động cân đối về nguồn kinh phí đảm bảo cấp phát kịp thời và đầy đủ cho các đơn vị sự nghiệp KHCCN. Đồng thời chủ động phối hợp với Kho bạc nhà nước cấp phát theo hình thức rút dự toán, kiểm tra, giám sát các khoản chi thực hiện nhiệm vụ KHCCN đảm bảo chi đúng chính sách, đúng chế độ và theo dự toán được duyệt. Cần

sớm hoàn chỉnh chương trình phần mềm tin học quản lý ngân sách dùng cho cơ quan tài chính để cập nhật, khai thác dữ liệu trong việc rút dự toán làm cơ sở cho việc điều hành về nguồn kinh phí và tổng hợp báo cáo các cơ quan chức năng. Trong trường hợp phải điều chỉnh phân bổ dự toán, cần thẩm định và xét duyệt trong thời gian ngắn nhất nhằm đảm bảo hoạt động thường xuyên tại đơn vị dự toán.

- Đổi mới cơ chế sử dụng NSNN cho nhiệm vụ KHCN theo hướng tập trung vào kiểm soát kết quả đầu ra KHCN như sau: Quản lý theo đầu ra cần phải làm chặt khâu xét duyệt dự toán ban đầu, đặc biệt trong lĩnh vực KHCN thì chi thường xuyên cho lĩnh vực này hiện nay chủ yếu chi cho việc thực hiện các đề tài khoa học, như vậy Sở KHCN cần có những hội đồng lớn để thẩm định lựa chọn các đề tài, từ đó yêu cầu đặt ra cần có những quy định chặt chẽ hơn trong việc thành lập hội đồng xét duyệt tuyển chọn đề tài khoa học của tỉnh, tránh xét duyệt lựa chọn đề tài mang tính chủ quan duy ý chí của một bộ phận, mang tính hình thức và lặp lại lãng phí khi xét đến tất cả các đề tài của các tỉnh trong cả nước. Việc đánh giá kết quả đầu ra cũng là một khó khăn trong hiện nay, để đánh giá hiệu quả trong công tác đánh giá kết quả đầu ra, có đạt yêu cầu như trong hợp đồng ký kết thực hiện đề tài khoa học ban đầu hay không lại đòi hỏi cần có quy định cụ thể, trong đó STC đóng vai trò như thế nào.

- Nâng cao chất lượng của các hội đồng thẩm định: Trong việc xét duyệt tuyển chọn đề tài ban đầu, quá trình triển khai thực hiện và đánh giá kết quả cuối cùng, chất lượng của hội đồng thẩm định đóng vai trò vô cùng quan trọng, tuy nhiên quy định về hội đồng chưa đáp ứng được yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay. Cần có quy định cụ thể và hệ thống dữ liệu chuyên gia để lựa chọn và mời tham dự hội đồng của từng đề tài sao cho phù hợp. Các tiêu chí để đánh giá đội ngũ chuyên gia cũng cần rõ ràng như về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đóng góp trong các bài báo trong nước và quốc tế, kinh nghiệm tham gia các hội đồng, tính đại diện cho vùng miền lãnh thổ...

- Thay đổi một số chính sách để thu hút các nhà khoa học như: số tiền thù lao của các thành viên tham gia đề tài nên cải thiện hơn, hay để các nhà khoa học tự định theo công sức đóng góp hoặc để chủ nhiệm đề tài tự chi trả theo khoán toàn phần. Thêm vào đó, tiền thù lao của các nhà khoa học có thể thay đổi thành thành chi phí chính thức là cách tiếp cận mới. Ngoài ra, tiền thù lao có thể tính theo ngày hoặc cũng có thể khoán theo công việc, thay vì giới hạn ở một khuôn khổ như hiện tại, đảm bảo tiền thù lao tương xứng với công sức của người nghiên cứu khoa học.

**\* Đối với khâu quyết toán chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN**

Để thực hiện nội dung xét duyệt quyết toán NSNN hiệu quả, đầy đủ nhằm tổng

kết, đánh giá lại việc thực hiện ngân sách cũng như chính sách tài chính ngân sách trong năm, cần thực hiện tốt những nội dung sau:

- Xác định trách nhiệm của từng đơn vị, từng cá nhân trong từng nhiệm vụ cụ thể, từng khâu trong quy trình xét duyệt quyết toán, nguyên tắc sai ở đâu chịu trách nhiệm ở đấy. Trong việc sử dụng nguồn kinh phí, quy định rõ trách nhiệm, vai trò của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp KHCN khi chấp hành dự toán, cán bộ của STC phụ trách đơn vị sự nghiệp KHCN.

- Các báo cáo quyết toán quý, năm của đơn vị phải được lập theo biểu mẫu, thực hiện đúng thời gian quy định. Số liệu trong báo cáo quyết toán phải trung thực, chính xác, đầy đủ và phản ánh đúng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo mục lục ngân sách.

- Báo cáo quyết toán cần phải phản ánh số thực chi tương ứng với kế hoạch ngân sách chứ không phải là số dự toán được duyệt, được hạch toán và phản ánh được đầy đủ số liệu chi thường xuyên ngân sách.

- Quyết toán chi thường xuyên NSNN đối với sự nghiệp KHCN phải thể hiện được tính tuân thủ trong việc chi ngân sách, giải trình về quyết toán không chỉ là vấn đề về số liệu mà còn phải giải trình được quản lý chi ngân sách trong tiến độ tuân thủ các quy định của pháp luật và đạt được các yêu cầu đề ra khi quyết định ngân sách.

- Quyết toán phải báo cáo được tính hiệu lực, hiệu quả của các khoản chi. Thông qua việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả có thể biết được mức độ hợp lý trong việc phân bổ ngân sách và sự đảm bảo nguồn lực trong việc thực thi chính sách.

- Kiên quyết xuất toán các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức và thu hồi giảm chi NSNN đối với các khoản chi sai chế độ. Khắc phục tình trạng phát hiện sai phạm nhưng không xử lý dứt điểm, kéo dài thời gian xét duyệt quyết toán cho các đơn vị.

### **3.2.3. Giải pháp khác**

- Nâng cao chất lượng hệ thống trang thiết bị như máy tính, máy in và hệ thống phần mềm quản lý ngân sách Tabmis, phần mềm quản lý mạng văn phòng tỉnh để dễ dàng tra cứu, xử lý văn bản, nâng cao chất lượng và tiến độ xử lý công việc của các cán bộ. Ngoài ra thực hiện nghiên cứu phát triển phần mềm hỗ trợ chuyên dụng trong công tác lập dự toán, theo dõi thực hiện, cấp phát và quyết toán.

- Nâng cao nguồn lực tài chính liên quan đến nguồn vốn của doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KHCN, đẩy nhanh tốc độ chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tăng hiệu quả sử dụng Quỹ của doanh nghiệp. Thái Bình cần có các giải pháp tăng cường tư vấn, khuyến khích, hướng dẫn các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và cần thêm sự quyết liệt trong cải cách, cắt giảm

thủ tục hành chính nhằm giúp các quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; xây dựng các quy định về số tiền trích quỹ một cách phù hợp. Nâng cao quyền tự chủ tài chính theo hướng gia tăng số đơn vị bảo đảm 100% kinh phí CTX nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương.

### **3.3. Kiến nghị**

#### **3.3.1. Đối với UBND tỉnh Thái Bình**

Có thể nói thời gian qua, dưới sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh với sự phối hợp tích cực của Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, ban ngành trong toàn tỉnh, hoạt động KH&CN của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, thu được nhiều kết quả quan trọng, góp phần chuyển dịch giống cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp; trong y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng; trong bảo vệ môi trường, hoạt động công nghiệp và dịch vụ....

Tuy vậy, bên cạnh những thành quả đạt được, hoạt động KH&CN của tỉnh Thái Bình vẫn còn nhiều hạn chế cần được khắc phục trong giai đoạn tới, cụ thể: Nguồn lực đầu tư cho KH&CN còn hạn chế dẫn tới hiệu quả của các đề tài/dự án chưa thực sự mang lại tính đột phá, thúc đẩy sự phát triển như kỳ vọng; bên cạnh đó, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển KH&CN còn thiếu đồng bộ, linh hoạt.

Nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy vai trò tích cực của KH&CN trong phát triển kinh tế, xã hội, tỉnh đã xây dựng Đề án "Phát triển KH&CN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030". Trong đó định hướng lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân đạt trên 60% nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình, đặc biệt các chương trình lớn như: Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia.

Như vậy, trong đề án đã đặt ra nhiệm vụ huy động tối đa các nguồn lực tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước trên địa bàn tỉnh. Với quan điểm sử dụng nguồn lực tài chính hỗ trợ tích cực, có hiệu quả cho việc thực hiện Đề án "Phát triển KH&CN tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030", đứng trên góc độ quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp KH&CN cần tiến hành thực hiện các giải pháp sau:

- Phân tích, đánh giá và tính toán cụ thể nhu cầu tài chính cho việc thực hiện Đề án theo hướng đảm bảo tính chính xác nhu cầu, tránh lãng phí, đảm bảo Đề án phát huy được hiệu quả thực sự đối với việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, xã hội trong kế hoạch giai đoạn đến năm 2030, tránh tư tưởng xây dựng Đề án để đối phó với yêu cầu của cấp trên (Bộ KH&CN).



- Trên cơ sở kết quả phân tích, xác định được nhu cầu sát thực, cần huy động tối đa nguồn lực tài chính đảm bảo nhu cầu thực hiện Đề án bằng cách: thực hiện cân đối NSDP, ưu tiên cho việc thực hiện nhu cầu tài chính thực hiện Đề án, nên trích toàn bộ nguồn NSDP do kết quả thực hiện chủ trương tiết kiệm sau khi đã bố trí cho việc thực hiện đề án cải cách tiền lương; thực hiện chủ trương xã hội hoá, thu hút nguồn lực ngoài NSDP phục vụ Đề án phát triển KH&CN của tỉnh bằng cách thực hiện cơ chế hợp tác công tư (PPP) trong lĩnh vực KH&CN.

- Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ, giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất kinh doanh; phối hợp chặt chẽ với các trường đại học tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học ứng dụng.

### ***3.3.2. Đối với các bộ, ngành thuộc Trung ương***

Bên cạnh những văn bản luật được triển khai khá hiệu quả, còn một số văn bản khi triển khai áp dụng vào thực tế địa phương gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc như: Thông tư số 03/2015/TT-BKH&CN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, nên xem xét, sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới cho phù hợp với thực tế hiện nay.

Ngoài ra, Quyết định số 569/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “Ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030” đã quy định bảo đảm mức chi từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển, tuy nhiên mức chi này vẫn đang trong định hướng chiến lược đến năm 2030 chưa phải là quy định bắt buộc, chi NSNN đã có sự ưu tiên nhiều hơn cho hoạt động KH&CN nhưng so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực thì nguồn lực đầu tư cho KH&CN ở Việt Nam vẫn còn khá thấp. Kiến nghị cơ quan cấp trên đảm bảo mức chi 2% có lộ trình kế hoạch cụ thể theo từng năm, tập trung và ưu tiên chi ở các khu vực làm việc hiệu quả, không phân biệt các đơn vị thuộc nhà nước hay không thuộc nhà nước, đổi mới cơ chế tài chính, ưu tiên các đề tài trọng điểm, có tính ứng dụng thực tiễn cao, mang lại bước đột phá, giảm đầu tư cắt khúc, tránh đầu tư dàn trải..

## KẾT LUẬN

Hiện nay, Thái Bình là một tỉnh chưa cân đối được thu chi ngân sách, vẫn cần có sự hỗ trợ từ cơ quan trung ương trong việc bổ sung ngân sách, từ thực trạng đó, tỉnh đã có nhiều văn bản, chỉ thị, giải pháp theo hướng tích cực nhằm phát huy tốt vai trò của địa phương trong việc điều hành NSNN, tuy nhiên cần phát huy hơn nữa trong việc thực hiện tốt các giải pháp đó để có được thành quả cao hơn nữa. Một trong những vấn đề quan trọng là cố gắng phát triển lĩnh vực KHCN và ứng dụng những thành quả nghiên cứu KHCN vào đời sống xã hội, như vậy đặt ra mục tiêu trong quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN.

Mục đích của việc tăng cường quản lý chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước đối với sự nghiệp KHCN là nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng NSNN trong nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng KHCN, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý, phát triển khoa học công nghệ tỉnh Thái Bình.

Đề án thạc sỹ: ***“Quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Tài chính tỉnh Thái Bình”*** đã đạt được các mục tiêu nghiên cứu sau:

- Đề xuất khung nghiên cứu về quản lý của Sở Tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, luận văn đi sâu trình bày những nội dung chủ yếu của quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước, bao gồm: công tác hướng dẫn lập, thẩm định, thực hiện chấp hành, quyết toán, kiểm tra nội dung chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình.

- Đánh giá, phân tích thực trạng công tác quản lý chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCN của tỉnh Thái Bình với những kết quả đạt được, những bất cập, tồn tại cụ thể và nguyên nhân của nó trong việc quản lý chi thường xuyên giai đoạn 2020-2022 gắn liền với những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chi thường xuyên NSNN của Sở Tài chính cho sự nghiệp KHCN tỉnh Thái Bình.

Với nội dung chủ yếu nêu trên, đề án thạc sỹ đã thực hiện được mục tiêu nhất định. Tuy nhiên, do còn nhiều khó khăn trong quá trình nghiên cứu, đề án thạc sỹ không tránh khỏi những mặt cần hoàn thiện hơn, Tác giả mong nhận những ý kiến đóng góp, bổ sung của các thầy cô giáo, các đồng nghiệp để đề án thạc sỹ được mang lại được nhiều giá trị hơn./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 27/2015/TTBTC ngày 30/12/2015 Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 342/2016/TT-BTC hướng dẫn chi tiết thực hiện Nghị định 163/2016/NĐ-CP*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2014), *Nghị định 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ*, Hà Nội
4. Chính phủ (2016), *Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
5. Đinh Thị Lan Doanh (2018), *Hoàn thiện công tác quản lý chi thường xuyên ngân sách nhà nước tại huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình*, Quảng Bình.
6. Đỗ Hoàng Toàn (2008), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Hà Nội, 2008.
7. Đồng Thị Hồng Vân (2010), *Giáo trình quản lý Ngân sách nhà nước*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
8. HĐND tỉnh Thái Bình (2016), *Nghị quyết 48/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2017*, Thái Bình.
9. HĐND tỉnh Thái Bình (2021), *Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về Ban hành quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025*, Thái Bình.
10. Hoàng Trọng Tấn (2020), *Quản lý chi ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*, Bắc Kạn.
11. Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ (2015), *Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Thu Hiền (2018), *Hoàn thiện công tác quản lý chi NSNN cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tại phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Quảng Ninh, Quảng Bình*.
13. Quốc hội (2015), *Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015 ban hành luật ngân sách nhà nước*, Hà Nội.
14. Sở Khoa học công nghệ tỉnh Thái Bình (2020, 2021, 2022), *Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động Khoa học công nghệ hằng năm*, Thái Bình.

15. Thủ tướng chính phủ (2016), *Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 30/9/2016 ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017*, Hà Nội.
16. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định 1735/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.
17. UBND tỉnh Hà Nam (2020, 2021, 2022), *Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách tỉnh Hà Nam hằng năm*, Hà Nam.
18. UBND tỉnh Hưng Yên (2020, 2021, 2022), *Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách tỉnh Hưng Yên hằng năm*, Hưng Yên.
19. UBND tỉnh Nam Định (2020, 2021, 2022), *Quyết định về việc công bố công khai quyết toán ngân sách tỉnh Nam Định hằng năm*, Nam Định.
20. UBND tỉnh Thái Bình (2016), *Quyết định 04/2016/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình*, Thái Bình.
21. UBND tỉnh Thái Bình (2016), *Quyết định 4172/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 phê duyệt đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thái Bình giai đoạn 2016-2020*, Thái Bình.
22. UBND tỉnh Thái Bình (2020), *Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 ban hành quy định quản lý nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Thái Bình*, Thái Bình.
23. UBND tỉnh Thái Bình (2021), *Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt*, Thái Bình.
24. UBND tỉnh Thái Bình (2022), *Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn*, Thái Bình.
25. UBND tỉnh Thái Bình (2023), *Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 về việc công khai số liệu và thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn*, Thái Bình.

# **BẢNG CÂU HỎI**

(Dành cho đối tượng tham gia phỏng vấn)

## **I Thông tin chung:**

1. Họ và tên người được phỏng vấn:
2. Chức vụ:
3. Đơn vị:
4. Ngày phỏng vấn:

## **II. Câu hỏi chính trong phỏng vấn**

Anh chị có thể cho một vài đánh giá của mình về tình hình quản lý của Sở Tài chính đối với chi thường xuyên NSNN cho sự nghiệp KHCCN của tỉnh Thái Bình, trong chu trình ngân sách ở các khâu như phân bổ ngân sách, hướng dẫn xây dựng dự toán, thực hiện chấp hành, quyết toán?